

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 1 (A5-206)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000001	Lê Trần Minh	Ái	06-06-1999	17SS				
2	000002	Alăng Thị	Ăm	05-09-1999	17SNV				
3	000003	Nguyễn Thị Trường	An	19-01-1997	15SDL				
4	000004	Mai Trường	An	20-05-1999	17CBC3				
5	000005	Thái Huỳnh Thị	An	06-12-1999	17CDDL1				
6	000006	Trần Khánh	An	24-12-1998	17CTXH1				
7	000007	Nguyễn Song	An	01-04-1999	17SLS				
8	000008	Đỗ Thị Minh	Anh	27-10-1997	16SMN				
9	000009	Lê Thị Vân	Anh	14-09-1999	17CBC1				
10	000010	Trần Thị Lan	Anh	06-10-1998	17CBC2				
11	000011	Phan Thị Hồng	Anh	02-02-1999	17CDDL1				
12	000012	Nguyễn Đình Tam	Anh	05-01-1999	17CDDL1				
13	000013	Nguyễn Thị Trâm	Anh	12-01-1999	17CDDL2				
14	000014	Đỗ Trịnh Quốc	Anh	31-12-1999	17CLS				
15	000015	Võ Tuấn	Anh	08-08-1999	17CTM				
16	000016	Lê Ngọc Minh	Anh	04-05-1998	17CVH				
17	000017	Lê Tú	Anh	06-08-1999	17CVNH2				
18	000018	Phạm Thị	Ánh	13-03-1996	15CHD1				
19	000019	Đào Thị	Ánh	19-05-1999	17CBC4				
20	000020	Dương Minh	Ánh	21-05-1999	17CVNH3				
21	000021	Đinh Thị Nguyệt	Ánh	26-11-1999	17CVNH2				
22	000022	Alăng Thị	Ban	10-02-1999	17SGC				
23	000023	Trần Đình Gia	Bảo	01-09-1997	16CQM				
24	000024	Nguyễn Thị Thanh	Bình	04-02-1999	17CBC2				
25	000025	Kiều Thị Thu	Bình	28-05-1999	17CBC4				
26	000026	Trần Thị	Bình	15-05-1997	17CTL1				
27	000027	Y	Byan	01-02-1998	17SLS				
28	000028	Hồ Thị	Cam	05-11-1999	17SLS				
29	000029	Nguyễn Thị	Cảm	03-05-1999	17STH				
30	000030	Nguyễn Thị	Can	21-04-1999	17CVNH3				
31	000031	Dương Thị Minh	Châu	21-02-1997	15CBC2				
32	000032	Nguyễn Thị Hải	Châu	27-10-1997	15CVH2				
33	000033	Phạm Thị Quỳnh	Châu	06-01-1998	16CVHH				
34	000034	Nguyễn Thị Trang	Châu	01-02-1999	17CBC2				
35	000035	Hoàng Đỗ Minh	Châu	17-11-1999	17CDDL2				
36	000036	Lê Thị Minh	Châu	21-06-1998	17CTL1				
37	000037	Huỳnh Trần Minh	Châu	16-09-1999	17CVNH1				
38	000038	Lê Thị Diễm	Châu	21-04-1999	17STH				
39	000039	Trần Đăng Kim	Chi	22-11-1999	17CBC1				
40	000040	Nguyễn Thị Khánh	Chi	05-07-1999	17CDDL2				
41	000041	Phan Thị	Chi	07-09-1999	17CVHH				
42	000042	Cao Thị Quế	Chi	28-05-1999	17CVNH1				
43	000043	Ngô Thị Kim	Chi	28-12-1999	17CVNH3				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 2 (A5-207)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000044	Trần Thị Ngọc	Chi	26-03-1999	17SDL				
2	000045	Nguyễn Trần Quỳnh	Chi	08-09-1999	17SNV				
3	000046	Nguyễn Văn	Chí	19-06-1999	17CVNH2				
4	000047	Hoàng Ngọc	Chinh	07-08-1999	17CVHH				
5	000048	Mạc Đình Công	Chính	22-02-1997	15CQM				
6	000049	Tô Văn	Chương	24-03-1995	16CVNH				
7	000050	Võ Phúc Nguyên	Chương	15-01-1998	16CVNH				
8	000051	Nguyễn Tự Linh	Chương	22-07-1999	17CBC1				
9	000052	Phan Thành	Công	27-09-1999	17SLS				
10	000053	Trần Văn	Cường	18-04-1999	17CDDL1				
11	000054	Đỗ Hoàng	Cường	06-11-1999	17ST				
12	000055	Trần Thị Hồng	Dân	24-03-1999	17STH				
13	000056	Hôih Thị	Đào	25-12-1999	17SGC				
14	000057	Nguyễn Tiến	Đạt	30-09-1999	17CVNH3				
15	000058	Alăng	Đề	11-06-1999	17CTXH1				
16	000059	Triệu Khánh	Di	30-04-1999	17CHD				
17	000060	Nguyễn Thị	Diễm	11-06-1998	16SMN				
18	000061	Đỗ Hoàng Ngọc	Diễm	18-07-1999	17CTXH1				
19	000062	Doãn Thị Ngọc	Diễm	16-07-1999	17SAN				
20	000063	Huỳnh Thị	Diễm	02-12-1999	17SMN				
21	000064	Trịnh Thị	Diệp	23-05-1999	17SMN				
22	000065	Phạm Thị Minh	Diệp	30-01-1999	17CTXH2				
23	000066	Phạm Trương Hoàng	Diệu	27-06-1999	17CDDL2				
24	000067	Nguyễn Thị Tú	Diệu	12-01-1999	17CTXH1				
25	000068	Trần Thị Minh	Đoan	02-12-1999	17CTL2				
26	000069	Nguyễn Thị Khánh	Dur	05-03-1999	17CDDL2				
27	000070	Ngô Thị	Dự	05-02-1996	15CQM				
28	000071	Nguyễn Thị	Dung	03-03-1996	15CDMT				
29	000072	Đặng Thị Mỹ	Dung	14-02-1999	17CLS				
30	000073	Nguyễn Thị Phương	Dung	16-10-1999	17CVNH2				
31	000074	Phạm Thị	Dung	02-11-1999	17CVNH3				
32	000075	Dương Thị Thùy	Dung	01-03-1998	17ST				
33	000076	Nguyễn Văn	Dũng	25-10-1999	17CVNH1				
34	000077	Lê Quang	Dũng	04-09-1999	17SVL				
35	000078	Nguyễn Thị	Dương	10-07-1997	15CVH1				
36	000079	Huỳnh Trọng	Dương	12-11-1998	16CQM				
37	000080	Lê Mo Thị	Dương	15-11-1999	17CTXH1				
38	000081	Bùi Thị Thùy	Dương	12-10-1999	17CVH				
39	000082	Nguyễn Quang	Duy	29-04-1997	15CTUD1				
40	000083	Lê Quốc	Duy	23-07-1997	16CBC2				
41	000084	Võ Bá	Duy	25-07-1999	17CNSH				
42	000085	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22-07-1996	15CVH1				
43	000086	Nguyễn Phan Thảo	Duyên	26-08-1998	16CVNH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 3 (A5-208)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000087	Trần Thị Duyên	Duyên	06-09-1999	17CBC2				
2	000088	Lê Nguyễn Nam	Duyên	19-12-1999	17CBC4				
3	000089	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	06-01-1999	17CTL2				
4	000090	Phạm Thị Mỹ	Duyên	25-06-1999	17CTM				
5	000091	Lê Thị Mỹ	Duyên	20-05-1998	17SAN				
6	000092	Lê Thị Mỹ	Duyên	01-01-1999	17SMN				
7	000093	Trương Thị Mỹ	Duyên	29-04-1999	17SMN				
8	000094	Phan Thị Mỹ	Duyên	25-11-1999	17SNV				
9	000095	Y Boi	Èban	06-01-1997	17CVNH1				
10	000096	Rcom H'	Eni	05-04-1999	17CTXH2				
11	000097	Trần Thị Bảo	Giang	31-05-1999	17CBC2				
12	000098	Đỗ Trường	Giang	20-08-1998	17CDDL1				
13	000099	Nguyễn Thị Thuỳ	Giang	01-09-1999	17CLS				
14	000100	Nguyễn Châu	Giang	28-12-1999	17CNSH				
15	000101	Trần Thị Xuân	Giang	18-06-1999	17CTL1				
16	000102	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	06-02-1999	17CVHH				
17	000103	Trần Thục	Giảng	20-11-1999	17CTXH2				
18	000104	Mai Thị Sĩ	Hà	07-02-1998	16STH				
19	000105	Nguyễn Bá Nam	Hà	12-07-1999	17CHD				
20	000106	Ngô Thu	Hà	13-01-1999	17CTL2				
21	000107	Zorâm Xuân	Hà	10-10-1997	17CTXH2				
22	000108	Trần Thị Thu	Hà	07-09-1999	17CVNH2				
23	000109	Lê Vũ	Hạ	07-10-1999	17CBC4				
24	000110	Dương Bích	Hạ	11-04-1999	17CHD				
25	000111	Nguyễn Thị	Hạ	15-04-1998	17CVNH3				
26	000112	Nguyễn Thị Thùy	Hải	17-03-1999	17CQM				
27	000113	Lương Văn	Hân	12-09-1999	17CBC4				
28	000114	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	03-06-1996	17CBC4				
29	000115	Nguyễn Khắc	Hận	04-05-1999	17CTL1				
30	000116	Nguyễn Thị	Hăng	04-11-1998	16CTXH				
31	000117	Nguyễn Thị Diễm	Hăng	17-11-1999	17CBC1				
32	000118	Nguyễn Thị Thúy	Hăng	02-04-1999	17CNSH				
33	000119	Lò Thị	Hăng	04-07-1999	17CTXH2				
34	000120	Nguyễn Thị Thu	Hăng	05-05-1999	17CVNH1				
35	000121	Đặng Thị	Hăng	06-03-1999	17SDL				
36	000122	Lê Thị Mỹ	Hạnh	12-06-1999	17CBC1				
37	000123	Võ Thị Mỹ	Hạnh	29-03-1999	17CQM				
38	000124	Trần Như	Hạnh	15-09-1999	17CVHH				
39	000125	Lại Thị	Hạnh	06-04-1999	17CVNH2				
40	000126	Lê Thị Hồng	Hạnh	27-08-1998	17CVNH3				
41	000127	Phạm Thị Hồng	Hạnh	12-02-1999	17CVNH3				
42	000128	Coor Thị	Hạnh	21-05-1999	17SGC				
43	000129	Lê Nguyễn	Hậu	14-05-1999	17CTXH1				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 4 (A5-209)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000130	Hồ Thị Hải	Hậu	16-12-1998	17CTXH2			
2	000131	Huỳnh Thị Thu	Hậu	02-01-1999	17CVNH3			
3	000132	Nguyễn Thị Phú	Hậu	10-12-1999	17CVNH3			
4	000133	Phạm Thị	Hiền	12-08-1997	15CVH2			
5	000134	Hà Thị Thu	Hiền	22-06-1999	17CHD			
6	000135	Phan Thị Thúy	Hiền	08-03-1999	17CNSH			
7	000136	Nguyễn Thị	Hiền	08-04-1999	17CQM			
8	000137	Zơ Râm	Hiền	23-02-1999	17CTXH1			
9	000138	Mai Thị	Hiền	02-11-1999	17CVH			
10	000139	Nguyễn Thị Thu	Hiền	23-11-1999	17CVNH2			
11	000140	Trần Công	Hiền	20-03-1999	17CDDL1			
12	000141	Hiền	Hiệp	26-01-1999	17CTXH2			
13	000142	Đặng Ngọc	Hiếu	22-10-1998	16CQM			
14	000143	Tơ Ngôn	Họ	26-06-1999	17SGC			
15	000144	Lê Xuân	Hoa	20-02-1998	17CBC3			
16	000145	Trương Thị Khánh	Hoà	22-10-1999	17CTL2			
17	000146	Ngô Thị	Hòa	27-08-1999	17CBC3			
18	000147	Phan Thị Hải	Hòa	17-12-1999	17CTXH1			
19	000148	Hoàng Thị	Hòa	24-09-1998	17CTXH2			
20	000149	Huỳnh Thị	Hòa	29-03-1999	17ST			
21	000150	Brúu Thị	Hoàn	04-05-1999	17CTXH2			
22	000151	Nguy Như	Hoàng	17-02-1996	15CQM			
23	000152	Lê Minh	Hoàng	02-01-1997	16CVNH			
24	000153	Trần Văn	Hoàng	14-07-1998	17CLS			
25	000154	Thái Thị	Hội	06-10-1999	17CVHH			
26	000155	Nguyễn Thị	Hồng	20-04-1999	17CTM			
27	000156	Phạm Thị Anh	Hồng	20-02-1999	17CTM			
28	000157	Y	Hồng	25-02-1998	17SDL			
29	000158	Nguyễn Thị	Huế	04-01-1999	17CVNH2			
30	000159	Nguyễn Thị	Huệ	18-10-1999	17CDDL2			
31	000160	Trương Thị Thanh	Huệ	10-01-1999	17CQM			
32	000161	Lê Đình Phi	Hùng	02-08-1999	17CDDL1			
33	000162	Nguyễn Sỹ	Hùng	20-01-1999	17CDDL2			
34	000163	Trần Văn	Hùng	09-06-1999	17CTL2			
35	000164	Hồ Văn	Hùng	02-03-1999	17CTXH1			
36	000165	Nguyễn Thanh	Hùng	03-06-1999	17CVH			
37	000166	Trần Thị Lan	Hương	04-11-1997	15CBC2			
38	000167	Phan Thị	Hương	18-06-1997	16CDDL			
39	000168	Nguyễn Thị Khánh	Hương	06-05-1998	16CTXH			
40	000169	Nguyễn Thị Thu	Hương	20-09-1999	17CDDL2			
41	000170	Lê Nguyễn Thanh	Hương	19-08-1999	17CTXH1			
42	000171	Võ Thị Thùy	Hương	24-05-1999	17SDL			
43	000172	Nguyễn Thị Thúy	Hương	05-05-1999	17SDL			

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 5 (A5-210)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000173	Đỗ Thị Thu Hương	10-02-1999	17SMN				
2	000174	Mai Đăng Phạm Trường Huy	24-12-1998	16CBC2				
3	000175	Hoàng Minh Huy	02-05-1998	17CBC1				
4	000176	Huỳnh Kim Huy	14-02-1999	17CDDL2				
5	000177	Trương Công Quang Huy	25-08-1999	17CQM				
6	000178	Phạm Thị Huyền	10-10-1998	16CTXH				
7	000179	Trương Bảo Thục Huyền	14-01-1997	16CVHH				
8	000180	Võ Thị Minh Huyền	10-04-1999	17CTXH2				
9	000181	Kim Thị Ngọc Huyền	30-12-1999	17CVNH3				
10	000182	Hoàng Thị Minh Huyền	10-04-1999	17SAN				
11	000183	Y Huyền	15-05-1999	17SNV				
12	000184	Trần Ngọc Huyền	05-10-1999	17STH				
13	000185	Huỳnh Thị Khanh	17-06-1999	17CBC1				
14	000186	Phan Lê Duy Khánh	16-11-1998	17CHD				
15	000187	Hồng Đình Khánh	24-11-1999	17CLS				
16	000188	Trương Quốc Khánh	10-03-1999	17CVNH1				
17	000189	Nguyễn Thị Khánh	30-09-1999	17CVNH2				
18	000190	Trần Quốc Khánh	01-10-1999	17SLS				
19	000191	Trần Lê Cường Khánh	18-05-1997	17STH				
20	000192	Trần Đình Khiêm	22-06-1999	17SAN				
21	000193	Ngô Đăng Minh Khoa	24-08-1996	17CBC1				
22	000194	Lê Tuấn Khoa	09-04-1999	17CDDL1				
23	000195	Phạm Đức Khoa	24-01-1999	17CVL				
24	000196	Pơ Loong Khương	24-07-1999	17SGC				
25	000197	Phạm Thị Bảo Khuyên	03-03-1999	17CBC1				
26	000198	Đào Bảo Khuyên	30-12-1999	17CBC1				
27	000199	Lê Thị Hồng Kiều	26-10-1999	17CVNH1				
28	000200	Chanthalangsy Kittimasak	28-06-1999	17CTM				
29	000201	Võ Thị Thái Lan	30-11-1997	16CTL				
30	000202	Đoàn Thị Nhật Lan	05-08-1999	17CVNH3				
31	000203	Bùi Nhật Lê	09-09-1998	16CVNH				
32	000204	Nguyễn Thị Cẩm Lê	02-09-1998	17CNSH				
33	000205	Nguyễn Văn Lên	22-02-1996	17CVHH				
34	000206	Huỳnh Thị Liên	05-05-1997	17CTXH2				
35	000207	Hà Thị Kim Liên	15-09-1999	17ST				
36	000208	Trà Thanh Linh	19-02-1998	17CNSH				
37	000209	Đặng Thị Mỹ Linh	30-10-1997	15CVL				
38	000210	Dương Thùy Linh	13-10-1999	17CBC1				
39	000211	Trần Thị Mỹ Linh	23-07-1999	17CBC4				
40	000212	Đặng Thị Hồng Linh	11-12-1999	17CNSH				
41	000213	Phạm Lê Thảo Linh	07-07-1999	17CTL1				
42	000214	Lê Thị Thanh Linh	20-03-1998	17CTXH2				
43	000215	Võ Ngọc Linh	07-05-1999	17CVNH3				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 6 (A5-107)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000216	Nguyễn Thị Như Linh	22-01-1997	17CVNH3				
2	000217	Nguyễn Hoàng Thùy Linh	08-11-1998	17SVL				
3	000218	Phan Thị Bảo Loan	17-08-1999	17CTXH2				
4	000219	Trần Thị Xuân Lộc	08-09-1999	17CBC1				
5	000220	Trần Công Nguyên Lộc	27-12-1999	17CHD				
6	000221	Võ Thị Xuân Lộc	26-02-1999	17CTL1				
7	000222	Trần Thị Lợi	20-08-1997	15CHD1				
8	000223	Mai Thị Lợi	13-06-1999	17CBC2				
9	000224	Huỳnh Phước Lợi	27-05-1999	17SVL				
10	000225	Nguyễn Thành Long	15-11-1997	15CNSH				
11	000226	Văn Đình Luân	19-10-1999	17CTL1				
12	000227	Alăng Thị Luật	09-05-1999	17SDL				
13	000228	Trần Thị Lực	03-04-1998	16CBC2				
14	000229	Lê Đức Lương	17-03-1999	17CTXH2				
15	000230	Nguyễn Thị Luyến	15-07-1999	17CTXH2				
16	000231	Tăng Thị Ly	19-07-1997	16SMN				
17	000232	Đỗ Thị Ly	13-08-1999	17CBC2				
18	000233	Đặng Thị Mai Ly	13-04-1999	17CBC4				
19	000234	Nguyễn Thị Ly	02-01-1999	17CDDL2				
20	000235	Phạm Lê Ngọc Ly	07-10-1999	17CTL1				
21	000236	Nguyễn Thị Khánh Ly	10-04-1999	17CTL2				
22	000237	Nguyễn Hương Ly	19-10-1999	17SDL				
23	000238	Phạm Thị Khánh Ly	10-05-1999	17STH				
24	000239	Huỳnh Thị Kim Lý	22-08-1999	17CBC1				
25	000240	Phan Thị Ngọc Lý	17-08-1999	17SDL				
26	000241	Dương Thị Ngọc Mai	18-02-1999	17CBC2				
27	000242	Trần Huỳnh Tuyết Mai	19-01-1999	17SMN				
28	000243	Ngô Văn Mạnh	16-06-1999	17SLS				
29	000244	A Viêt Thị Mây	05-07-1999	17SGC				
30	000245	Ngô Hoàng Mệnh	20-12-1998	16CVNH				
31	000246	Nguyễn Ngọc Tấn Minh	10-04-1999	17CBC4				
32	000247	Đinh Thiện Minh	27-06-1999	17CVNH2				
33	000248	Võ Thị Thúy Mơ	22-04-1999	17CVNH3				
34	000249	Nguyễn Văn Mừng	09-09-1998	17CHD				
35	000250	Võ Thị Thanh Muội	20-03-1999	17SLS				
36	000251	Hồ Nguyễn Thị My	22-04-1998	16CVHH				
37	000252	Lương Thị Kiều My	03-08-1998	17CBC1				
38	000253	Nguyễn Thị Huyền My	25-12-1999	17CBC2				
39	000254	Võ Thị Trà My	13-07-1999	17CTL1				
40	000255	Hồ Thị My	16-02-1999	17CVH				
41	000256	Trương Thị Yên My	17-04-1999	17CVNH2				
42	000257	Lê Thị Mỹ	10-10-1999	17CDDL1				
43	000258	Đinh Thị Ly Na	12-12-1999	17CTXH2				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 1 (13h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 7 (A3-01)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000259	Y Si Nai	29-03-1999	17SLS				
2	000260	Đặng Hoàng Nam	02-02-1995	16CVHH				
3	000261	Đoàn Hải Nam	01-04-1999	17CDDL2				
4	000262	Trần Thị Nga	22-11-1999	17CBC4				
5	000263	Huỳnh Thị Thu Nga	10-02-1999	17CDDL1				
6	000264	Nguyễn Thị Nga	25-09-1999	17CTL2				
7	000265	Nguyễn Thị Thuý Nga	14-10-1999	17ST				
8	000266	Trần Thị Thanh Ngân	16-09-1999	17CQM				
9	000267	Võ Kim Ngân	25-09-1999	17CVH				
10	000268	Đặng Thị Kim Ngân	20-04-1999	17SMN				
11	000269	Nguyễn Thị Kim Ngân	13-02-1999	17SNV				
12	000270	Dương Thị Như Nghĩa	13-12-1999	17CDDL2				
13	000271	Nguyễn Đức Nghĩa	12-11-1999	17CTL1				
14	000272	Phan Hữu Nghĩa	05-07-1999	17SAN				
15	000273	Ngô Lê Như Ngọc	12-08-1999	17CVHH				
16	000274	Trần Nguyên Ngọc	29-05-1999	17CVNH2				
17	000275	Phạm Thị Thuý Ngọc	24-08-1999	17SMN				
18	000276	Nguyễn Thị Như Ngọc	16-04-1999	17SMN				
19	000277	Dương Thị Thu Nguyên	22-09-1999	17CLS				
20	000278	Bùi Thị Anh Nguyệt	17-06-1999	17CBC2				
21	000279	Đỗ Mai Minh Nguyệt	09-10-1999	17CVH				
22	000280	Trần Thị Nguyệt	09-01-1999	17CVNH2				
23	000281	Nguyễn Thị Thanh Nhân	19-05-1999	17CDDL1				
24	000282	Trần Thị Thanh Nhân	20-11-1999	17CVHH				
25	000283	Nguyễn Thị Ngọc Nhân	12-07-1999	17CBC2				
26	000284	Nguyễn Thị Cẩm Nhi	02-08-1997	16CVHH				
27	000285	Nguyễn Hồng Hoài Nhi	11-08-1999	17CTL1				
28	000286	Trịnh Thị Ánh Nhi	10-04-1999	17CTXH1				
29	000287	Lê Thị Huyền Nhi	20-03-1999	17CVNH1				
30	000288	Hoàng Thị Tuyết Nhi	06-06-1999	17CVNH3				
31	000289	Lê Thị Nhi	23-01-1998	17CTXH1				
32	000290	Nguyễn Thị Bích Nhiệm	05-11-1999	17CVNH2				
33	000291	Võ Thị Quy Nhơn	22-04-1999	17CHD				
34	000292	Nguyễn Thị Quỳnh Như	20-03-1999	17CBC2				
35	000293	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	06-12-1997	15CTM				
36	000294	Nguyễn Thị Nhung	09-12-1999	17CDDL2				
37	000295	Bnướcch Thị Nhung	12-08-1998	17SNV				
38	000296	Y Nhung	11-06-1999	17CTXH1				
39	000297	Rahlan H' Nhuyết	03-08-1997	16SNV				
40	000298	H Duyên Niê	30-06-1998	17CTXH1				
41	000299	Đỗ Thị Hồng Nở	10-11-1999	17SS				
42	000300	Bùi Thị Tuyết Nuy	24-04-1998	16SMN				
43	000301	Hồ Thị Minh Oanh	11-01-1998	16CDDL				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 8 (A5-206)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000302	Thái Thị Lâm Oanh	13-10-1998	16SMN				
2	000303	Nguyễn Thị Kim Oanh	04-10-1999	17CBC2				
3	000304	Trần Lâm Oanh	03-06-1999	17CBC3				
4	000305	Trần Thị Kiều Oanh	07-01-1999	17CDDL1				
5	000306	Vương Thị Ngọc Phan	11-07-1998	16SLS				
6	000307	Hồ Thanh Thị Phan	06-06-1999	17CVHH				
7	000308	Zorâm Phan	10-05-1999	17CTXH2				
8	000309	Lê Việt Thành Phát	20-08-1999	17SVL				
9	000310	Tơ Ngôn Phiên	10-01-1999	17CTXH1				
10	000311	Bơ Nướch Thị Phôn	03-07-1999	17CTXH2				
11	000312	Phạm Thị Phúc	10-10-1999	17CVHH				
12	000313	Hồ Thị Hồng Phúc	24-05-1999	17SGC				
13	000314	Nguyễn Thị Phụng	13-03-1999	17CVNH1				
14	000315	Nguyễn Tấn Phước	04-11-1995	17CBC3				
15	000316	Dương Thị Hồng Phước	11-03-1999	17CVNH1				
16	000317	Lê Đoàn Thanh Phương	23-11-1996	15CLS				
17	000318	Nguyễn Đỗ Ngân Phương	13-10-1996	15CVH1				
18	000319	Nguyễn Thị Thu Phương	22-08-1999	17CBC3				
19	000320	Lê Thị Mỹ Phương	14-11-1999	17CDDL1				
20	000321	Lê Mai Trúc Phương	19-03-1999	17CHD				
21	000322	Ngô Thị Sanh Phương	02-11-1999	17CQM				
22	000323	Trần Xuân Phương	16-06-1999	17CTL1				
23	000324	Phan Thị Thu Phương	10-10-1999	17CTM				
24	000325	Nguyễn Thị Thanh Phương	14-06-1999	17CVHH				
25	000326	Đoàn Thị Phương	30-04-1999	17CVNH1				
26	000327	Trần Thị Hoàng Phương	12-04-1998	17CVNH3				
27	000328	Cao Thị Phương	20-08-1999	17SMN				
28	000329	Nguyễn Thị Phụng	04-01-1997	17CDDL2				
29	000330	Nguyễn Thị Kim Phụng	05-07-1999	17CTXH1				
30	000331	Võ Thị Mỹ Phụng	01-02-1999	17CTXH1				
31	000332	Hồih Plát	05-06-1998	17CTXH1				
32	000333	Bùi Văn Quốc	20-12-1999	17CDDL1				
33	000334	Nguyễn Thị Thái Quyên	11-04-1998	16SHH				
34	000335	Lê Thị Thúy Quyên	20-09-1999	17CBC4				
35	000336	Dương Thị Nhật Quyên	10-06-1999	17CVNH1				
36	000337	Nguyễn Thị Trúc Quyên	30-05-1999	17CVNH3				
37	000338	Nguyễn Thị Quyên	16-01-1999	17CVNH3				
38	000339	Tăng Thị Thảo Quyên	11-05-1999	17SNV				
39	000340	Nguyễn Thị Ái Quyên	08-03-1999	17STH				
40	000341	Nguyễn Thị Như Quỳnh	24-10-1997	16SMN				
41	000342	Phan Thị Quỳnh	02-04-1999	17CBC1				
42	000343	Lê Dương Trúc Quỳnh	17-10-1999	17CBC2				
43	000344	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	10-11-1999	17CBC3				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 9 (A5-207)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000345	Trần Thị Như Quỳnh	02-02-1999	17CBC3				
2	000346	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	08-10-1999	17CBC4				
3	000347	Lê Nguyễn Phương Quỳnh	28-05-1999	17CTL2				
4	000348	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12-12-1999	17CVNH1				
5	000349	Phạm Thị Như Quỳnh	07-07-1999	17CVNH2				
6	000350	Nay H' Rơ	27-05-1999	17CLS				
7	000351	Ksor H Rong	30-09-1999	17CTXH2				
8	000352	Đoàn Thị Châu Sa	31-01-1999	17CBC1				
9	000353	Lương Thị Sâm	13-02-1999	17SDL				
10	000354	Ksor Sana	17-05-1999	17CTXH1				
11	000355	Trần Thị Sang	18-11-1999	17CTL1				
12	000356	Đặng Thị Thu Sang	25-05-1999	17SLS				
13	000357	Võ Văn Phước Sanh	29-07-1999	17CTM				
14	000358	Brúu Thị Sáu	10-05-1999	17SGC				
15	000359	Phomsamouth Sisouphanh	10-06-1992	15SGC				
16	000360	Ngân Văn Sơn	27-02-1996	15CTXH				
17	000361	Huỳnh Ngọc Sơn	01-01-1999	17CDDL1				
18	000362	Phạm Văn Sự	19-08-1998	17CLS				
19	000363	Bờ Nướch Thị Kiều Sương	01-08-1999	17SGC				
20	000364	Đặng Trần Tú Sương	14-09-1999	17STH				
21	000365	Hồ Văn Sỹ	01-05-1999	17CTXH1				
22	000366	Đinh Ngọc Anh Tài	16-02-1999	17SNV				
23	000367	Phạm Thị Minh Tâm	14-01-1995	15CHD1				
24	000368	Nguyễn Văn Tâm	01-05-1999	17CDDL2				
25	000369	Ngô Thị Tâm	10-09-1999	17CVNH1				
26	000370	Nguyễn Thị Tâm	20-02-1999	17CVNH2				
27	000371	Trần Đình Tâm	30-08-1999	17CVNH3				
28	000372	Trương Lê Như Tâm	23-04-1999	17SAN				
29	000373	Trần Nhật Tân	18-01-1998	17CTL1				
30	000374	Nguyễn Nhật Tấn	01-07-1997	16SAN				
31	000375	Trần Thị Tệ	09-10-1999	17SNV				
32	000376	Nông Thị Hồng Thắm	10-10-1999	17CBC4				
33	000377	Mai Thị Hồng Thắm	12-09-1999	17CTL1				
34	000378	Lê Thị Hồng Thắm	14-10-1999	17CVNH1				
35	000379	Trương Thị Thắm	20-10-1999	17SVL				
36	000380	Bùi Đức Thắng	14-10-1999	17CNSH				
37	000381	Nguyễn Thị Thắng	01-07-1999	17CVNH2				
38	000382	Nguyễn Thị Kim Thanh	13-03-1999	17CBC1				
39	000383	Phan Thị Diệu Thanh	05-08-1999	17CQM				
40	000384	Trần Thị Diệu Thanh	01-01-1999	17CTL2				
41	000385	Lê Thị Thu Thanh	26-04-1999	17CVNH3				
42	000386	Bùi Văn Thạnh	26-08-1999	17CTM				
43	000387	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11-01-1993	16CVHH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 10 (A5-208)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000388	Hoàng Thị Phương	Thảo	10-03-1999	17CBC1			
2	000389	Nguyễn Thị Như	Thảo	13-07-1999	17CBC4			
3	000390	Bùi Văn	Thảo	06-02-1999	17CDDL2			
4	000391	Nguyễn Thị Thương	Thảo	28-09-1998	17CVHH			
5	000392	Lê Thị Thu	Thảo	15-08-1999	17CVNH2			
6	000393	Phạm Thị	Thảo	04-08-1999	17CVNH3			
7	000394	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	31-07-1999	17SLS			
8	000395	Nguyễn Thị	Thật	20-02-1999	17CVNH3			
9	000396	Hồ Ngân	Thê	03-07-1999	17CHD			
10	000397	Nguyễn Thị Huyền	Thi	16-10-1999	17CBC2			
11	000398	Nguyễn Hoàng	Thi	28-08-1999	17CBC4			
12	000399	Trịnh Thị Ngọc	Thiện	03-10-1997	17CVH			
13	000400	Ngô Đình Văn	Thiện	13-04-1999	17SAN			
14	000401	Nguyễn Thị Anh	Thơ	11-10-1999	17CBC3			
15	000402	Phan Văn	Thọ	28-01-1998	17SAN			
16	000403	Nguyễn Thanh	Thôi	20-11-1999	17CDDL1			
17	000404	Trần Thị	Thơm	21-07-1999	17CDDL2			
18	000405	Trương Thị	Thơm	04-08-1999	17CVNH1			
19	000406	Đặng Minh	Thông	05-03-1999	17CTXH2			
20	000407	Mai Thị Lê	Thu	12-01-1999	17SAN			
21	000408	Trần Thị Anh	Thư	27-11-1997	15CVH2			
22	000409	Nguyễn Ngọc Phương	Thư	04-01-1999	17CHD			
23	000410	Lê Thị Ngọc	Thư	14-04-1999	17CTL2			
24	000411	Trần Quỳnh	Thư	10-07-1997	17SAN			
25	000412	Mai Thị	Thuận	05-03-1998	16SDL			
26	000413	Nguyễn Thị Thanh	Thuận	22-06-1999	17CTL2			
27	000414	Nguyễn Kim	Thuận	04-06-1999	17CVH			
28	000415	Trần Phước	Thuận	09-02-1999	17CVNH1			
29	000416	Lê Thị Hiền	Thục	05-03-1999	17SMN			
30	000417	Lê Huyền Thanh	Thương	15-08-1999	17CBC1			
31	000418	Dương Thị	Thương	02-04-1999	17CTXH1			
32	000419	Phan Thị Hoài	Thương	11-12-1999	17CVHH			
33	000420	Hồ Thị Hoài	Thương	24-03-1999	17CVNH3			
34	000421	Nguyễn Thị Thu	Thụy	05-08-1995	15CHD2			
35	000422	Nguyễn Thị	Thụy	10-07-1999	17CDDL2			
36	000423	Huỳnh Thị Thu	Thụy	31-08-1999	17CDDL2			
37	000424	Nguyễn Thị Giao	Thủy	25-01-1999	17CBC1			
38	000425	Phạm Thị Thanh	Thụy	27-10-1999	17CTM			
39	000426	Võ Thị Kim	Thùy	07-06-1997	15CQM			
40	000427	Nguyễn Thị Mỹ	Thùy	12-12-1999	17CTL1			
41	000428	Huỳnh Thị Thu	Thùy	04-05-1999	17SVL			
42	000429	Trần Thị Như	Thủy	02-04-1983	16CTXH			
43	000430	Lê Thị Ngọc	Thủy	20-09-1997	17CDDL2			

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 11 (A5-209)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000431	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15-06-1999	17CHD				
2	000432	Lê Thị Thu	Thủy	16-11-1999	17CTXH1				
3	000433	Dương Thị	Thủy	25-03-1999	17CVNH2				
4	000434	Đặng Thị Thu	Thủy	16-02-1999	17SGC				
5	000435	Phan Thị Thùy	Tiên	12-09-1999	17CTUD				
6	000436	Nguyễn Thị Hải	Tiên	11-07-1999	17CVNH2				
7	000437	Colâu Thị	Tiên	06-02-1999	17SLS				
8	000438	Cao Lệ	Tiên	15-01-1999	17STH				
9	000439	Phạm Văn	Tiến	13-03-1998	16CDDL				
10	000440	Trần	Tiến	23-06-1999	17CDDL2				
11	000441	Phan Đức	Tiến	24-08-1999	17CDDL2				
12	000442	Đặng Tấn	Tín	04-02-1999	17CBC1				
13	000443	Nguyễn Thị	Tình	25-07-1999	17CHD				
14	000444	Thái Thị	Tình	25-01-1999	17CVHH				
15	000445	Hà Văn	Tịnh	04-09-1999	17CQM				
16	000446	Lê Văn	Tới	10-04-1999	17CBC4				
17	000447	Nguyễn Thanh	Tòng	04-09-1999	17CBC2				
18	000448	Nguyễn Vũ Mỹ	Trà	12-03-1999	17CHD				
19	000449	Trương Trần Thanh	Trà	10-01-1999	17CTL1				
20	000450	Nguyễn Ngọc	Trâm	27-07-1999	17CBC4				
21	000451	Lê Thị Bảo	Trâm	15-06-1999	17CDDL1				
22	000452	Trần Thị	Trâm	10-04-1999	17CTL1				
23	000453	Dương Ngọc	Trâm	11-04-1999	17CTL2				
24	000454	Lý Ngọc Bích	Trâm	25-09-1998	17CTXH2				
25	000455	Nguyễn Thị Phương	Trâm	20-03-1999	17CVHH				
26	000456	Phí Thị Huyền	Trân	04-01-1999	17SHH				
27	000457	Nguyễn Thị Thanh	Trang	02-09-1997	15CVL				
28	000458	Lê Thị Hiền	Trang	24-06-1999	17CBC2				
29	000459	Trần Thị Diệu	Trang	20-01-1999	17CQM				
30	000460	Lê Thu	Trang	22-10-1999	17CVNH1				
31	000461	Phan Thị Thùy	Trang	23-01-1999	17CVNH3				
32	000462	Đặng Thị Thu	Trang	21-09-1999	17SHH				
33	000463	Nguyễn Bình Phương	Trang	12-06-1998	17SMN				
34	000464	Mai Thị Huyền	Trang	09-05-1999	17SMN				
35	000465	Phan Thị	Trang	06-05-1999	17SNV				
36	000466	Đào Thị Thu	Trang	02-11-1999	17SS				
37	000467	Trần Minh	Trí	01-05-1996	15CVL				
38	000468	Nguyễn Hải	Triều	24-08-1999	17SHH				
39	000469	Trần Thị Xuân	Trim	27-05-1997	15CQM				
40	000470	Phạm Thị Hồng	Trinh	05-10-1998	16SVL				
41	000471	Hà Thị Mỹ	Trinh	05-01-1999	17CBC3				
42	000472	Trần Thị Tú	Trinh	14-11-1999	17SHH				
43	000473	Huỳnh Thị	Trinh	19-01-1999	17SMN				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 12 (A5-210)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000474	Hồ Thị Kim	Trúc	07-09-1997	15CHD1				
2	000475	Lê Thị Thanh	Trúc	14-02-1999	17CLS				
3	000476	Bùi Thị Kim	Trúc	21-02-1999	17CTXH2				
4	000477	Trần Anh	Tú	23-11-1997	15CNSH				
5	000478	Bùi Cẩm	Tú	10-04-1999	17CVNH1				
6	000479	Phạm Văn	Tuân	10-11-1997	17CVNH2				
7	000480	Huỳnh Trung	Tuấn	29-06-1999	17CBC4				
8	000481	Dương Ngọc	Tuấn	02-11-1999	17CTXH1				
9	000482	Lê Anh	Tuấn	05-05-1999	17CVL				
10	000483	Nguyễn Văn	Tùng	16-06-1999	17CQM				
11	000484	Phạm Thanh	Tùng	10-11-1999	17CVHH				
12	000485	Võ Thị Thanh	Tuyền	07-07-1999	17CVNH2				
13	000486	Trần Mai Lệ	Tuyền	02-09-1999	17SLS				
14	000487	Plong	Tuyền	23-08-1999	17CTXH1				
15	000488	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	04-04-1999	17CHD				
16	000489	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	07-07-1999	17CTM				
17	000490	Huỳnh Thị	Tuyết	20-04-1999	17CVNH3				
18	000491	Y	Tỷ	08-07-1999	17SDL				
19	000492	Nguyễn Thị	Vân	27-10-1998	17CLS				
20	000493	Phạm Quốc	Văn	16-10-1999	17CVNH1				
21	000494	Nguyễn Tường	Vi	30-04-1999	17CTL2				
22	000495	Lê Thị Hồng	Viên	14-04-1999	17SMN				
23	000496	Nguyễn Quang	Vinh	11-10-1999	17CVHH				
24	000497	Đoàn Châu Tuấn	Vũ	30-04-1999	17CVNH2				
25	000498	Nguyễn Thị Lan	Vy	11-03-1998	16SAN				
26	000499	Nguyễn Thanh	Vy	17-08-1999	17CBC4				
27	000500	Lê Nữ Thùy	Vy	16-12-1999	17CTL1				
28	000501	Lê Thị Thảo	Vy	23-01-1998	17CTM				
29	000502	Đàm Thuý	Vy	27-02-1999	17CVNH1				
30	000503	Trần Thị Thu	Xuân	09-08-1999	17CDDL1				
31	000504	Trương Thị Thanh	Xuân	02-06-1999	17CTXH2				
32	000505	A Viết	Xuyên	30-05-1999	17STH				
33	000506	Trần Thị Như	Ý	10-05-1999	17CHD				
34	000507	Nguyễn Thị	Ý	12-10-1999	17CQM				
35	000508	Nguyễn Thị Như	Ý	17-11-1999	17CVNH3				
36	000509	Trần Thị Kỳ	Yến	20-09-1999	17CBC1				
37	000510	Võ Thị Hoàng	Yến	01-04-1998	17CBC1				
38	000511	Nguyễn Hoàng Ngọc	Yến	15-10-1999	17CBC2				
39	000512	Nguyễn Thị Hải	Yến	28-02-1999	17CDDL1				
40	000513	Nguyễn Thị Hồng	Yến	13-02-1999	17CNSH				
41	000514	Trần Thị Mỹ	Yến	07-02-1999	17CTXH2				
42	000515	Trần Thị Thanh	Yến	01-06-1999	17CTXH2				
43	000516	Phùng Thị Mỹ	Yến	27-07-1999	17CVH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 13 (A5-107)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000517	Đỗ Thị Ngọc Yên	12-04-1999	17SMN				
2	000518	Trần Thị Ái	23-02-2000	18CVNH3				
3	000519	Nguyễn Thị Mỹ Ái	27-04-2000	18CVNH3				
4	000520	Võ Thị Ái	17-02-2000	18SDL				
5	000521	Phomma Alisa	05-10-1999	18CTM				
6	000522	Hôih Thị Aminh	20-01-2000	18CDDL2				
7	000523	Dương Văn An	04-03-1999	18CBC1				
8	000524	Trần Thị Thuý An	08-01-2000	18CDDL1				
9	000525	Nguyễn Hoàng Bảo An	19-06-2000	18CHD				
10	000526	Bùi Thị Thu An	15-08-1992	18CTL2				
11	000527	Nguyễn Đắc An	05-03-2000	18CTXH				
12	000528	Đinh Hoàng Phương An	07-10-2000	18SDL				
13	000529	Hứa Thị Mỹ An	01-03-2000	18SMN				
14	000530	Bùi Thị Hồng Ân	03-01-2000	18CHD				
15	000531	Phạm Hoàng Ân	28-07-2000	18SLS				
16	000532	Võ Thị Thảo Ân	28-06-1998	18SNV				
17	000533	Trần Thị Kiều Anh	27-09-2000	18CBC1				
18	000534	Tôn Nữ Bảo Anh	20-03-2000	18CBC1				
19	000535	Huỳnh Phạm Bảo Anh	28-07-2000	18CBC2				
20	000536	Nguyễn Thị Vân Anh	08-01-2000	18CBC2				
21	000537	Trần Đặng Nữ Hoàng Anh	20-06-1999	18CBC2				
22	000538	Lê Thị Ngọc Anh	27-07-2000	18CBC3				
23	000539	Trần Huỳnh Kiều Anh	23-01-2000	18CBC3				
24	000540	Nguyễn Thị Vân Anh	20-12-2000	18CBC3				
25	000541	Phạm Thị Thiên Anh	22-04-2000	18CBC4				
26	000542	Mai Thị Kim Anh	02-02-2000	18CBC4				
27	000543	Phạm Huyền Nhật Anh	14-06-2000	18CDDL1				
28	000544	Trần Hải Anh	15-10-2000	18CDDL1				
29	000545	Nguyễn Thị Phương Anh	07-07-2000	18CHDC				
30	000546	Trần Thị Tuyết Anh	19-07-2000	18CNSH				
31	000547	Lê Thị Nhật Anh	16-02-2000	18CNSH				
32	000548	Lê Thị Vân Anh	02-09-2000	18CTL1				
33	000549	Phạm Ngọc Anh	08-06-1999	18CTL1				
34	000550	Nguyễn Thị Tú Anh	08-02-2000	18CTL1				
35	000551	Lê Tiến Anh	27-06-2000	18CTL2				
36	000552	Nguyễn Phương Anh	09-05-1992	18CTL2				
37	000553	Hứa Thế Anh	07-10-2000	18CTL2				
38	000554	Hoàng Ngọc Anh	07-07-2000	18CTXH				
39	000555	Trần Thị Ngọc Anh	17-08-2000	18CTXH				
40	000556	Phùng Thị Kim Anh	10-12-2000	18CTXH				
41	000557	Lê Việt Anh	30-08-2000	18CVH				
42	000558	Nguyễn Thị Thủy Anh	29-10-2000	18CVNH2				
43	000559	Nguyễn Thị Vân Anh	23-05-2000	18CVNH2				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 2 (15h00 ngày 27/10/2018)

PHÒNG 14 (A3-01)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000560	Ngô Thị Kim Anh	14-04-2000	18CVNH3				
2	000561	Hồ Thị Kim Anh	11-05-2000	18SAN				
3	000562	Nguyễn Thị Yên Anh	10-03-2000	18SMN				
4	000563	Trần Quỳnh Anh	27-02-2000	18SMN				
5	000564	Võ Thị Lan Anh	27-10-2000	18ST				
6	000565	Trần Thị Anh	05-03-2000	18CBC4				
7	000566	Phan Nguyễn Ngọc Anh	22-06-2000	18CTXH				
8	000567	Đinh Thị Anh	15-07-2000	18CTXH				
9	000568	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14-07-2000	18CVNH2				
10	000569	Nguyễn Thủy Diệu Anh	14-06-2000	18SAN				
11	000570	Huỳnh Thị Nguyệt Anh	09-06-2000	18SMN				
12	000571	Nguyễn Thị Ngọc Anh	15-06-2000	18SMN				
13	000572	Mã Thị Hồng Anh	07-06-2000	18SMN				
14	000573	Ngô Thị Ngọc Anh	25-01-2000	18STH				
15	000574	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	19-06-2000	18CBC1				
16	000575	H' On Ly Ayün	12-07-2000	18CVNH2				
17	000576	Trần Hoài Bảo	30-07-2000	18CBC4				
18	000577	Lương Gia Bảo	14-09-2000	18CBC2				
19	000578	Nguyễn Triều Gia Bảo	18-04-2000	18CBC3				
20	000579	Đoạn Thế Bảo	23-08-2000	18CNSH				
21	000580	Lê Bảo Bảo	15-09-1999	18CTM				
22	000581	Nguyễn Hoài Bảo	19-11-2000	18CVHH				
23	000582	Hồ Văn Bảo	16-06-2000	18SDL				
24	000583	Lê Nguyễn Gia Bảo	26-12-2000	18ST				
25	000584	Bùi Thị Bé	10-06-2000	18SGC				
26	000585	Bnướcch Thị Bem	05-09-2000	18SMN				
27	000586	Zơ Râm Thị Bé Bi	06-11-2000	18CVH				
28	000587	Trần Thị Ngọc Bích	07-06-2000	18CBC1				
29	000588	Trương Minh Ngọc Bích	06-10-2000	18CTXH				
30	000589	Phạm Thị Ngọc Bích	28-03-1998	18SNV				
31	000590	H Nhun Bing	14-02-2000	18CBC2				
32	000591	Vũ Hải Bình	28-08-2000	18CBC3				
33	000592	Nguyễn Minh Phước Bình	19-07-2000	18CDDL1				
34	000593	Trần Thị Bình	30-12-2000	18CTL1				
35	000594	Trần Thị Bình	25-01-2000	18CTL2				
36	000595	Hoàng Thanh Bình	30-03-2000	18CTXH				
37	000596	Đặng Thị Yên Bình	20-04-1999	18SMN				
38	000597	Y Chan Gun Bkrông	03-01-1999	18CTL2				
39	000598	Đào Nguyên Ngọc Cầm	20-11-2000	18CHD				
40	000599	Lê Hoàng Châm	19-08-2000	18SMN				
41	000600	Phạm Thị Thích Châu	25-08-2000	18CBC1				
42	000601	Hoàng Ngọc Diệu Châu	28-09-2000	18CBC4				
43	000602	Phan Bảo Châu	09-03-2000	18CBCC				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 15 (A5-206)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000603	Võ Hoàn	Châu	04-07-2000	18CTL2				
2	000604	Phạm Thị Cẩm	Châu	09-05-2000	18CTXH				
3	000605	Phan Thị Mỹ	Châu	05-05-2000	18CVH				
4	000606	Võ Nguyễn Trang	Châu	05-07-2000	18CVH				
5	000607	Hồ Thị Lương	Châu	19-10-1999	18CVH				
6	000608	Nguyễn Phan Hoài	Châu	14-07-2000	18CVH				
7	000609	Trần Võ Minh	Châu	26-09-2000	18CVNH1				
8	000610	Nguyễn Hoàng Bảo	Châu	19-10-2000	18CVNH1				
9	000611	Phạm Thị Mỹ	Châu	09-05-2000	18CVNH1				
10	000612	Nguyễn Thị Minh	Châu	02-02-2000	18SAN				
11	000613	Nguyễn Ngọc	Châu	24-12-2000	18SDL				
12	000614	Trần Thị Kim	Chi	18-03-2000	18CBC2				
13	000615	Lê Thị Kim	Chi	02-01-2000	18CDDL2				
14	000616	Nguyễn Thị Linh	Chi	03-03-2000	18CTL1				
15	000617	Trần Thị Thiên	Chi	03-10-2000	18CVNH3				
16	000618	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	26-09-2000	18SMN				
17	000619	Nguyễn Thị Kim	Chi	10-06-2000	18SNV				
18	000620	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	01-02-2000	18STH				
19	000621	Đỗ Huyền	Chi	07-07-2000	18SVL				
20	000622	Trương Quỳ Tiểu	Chinh	15-10-2000	18CVH				
21	000623	Trịnh Lê Huyền	Chinh	11-01-2000	18SHH				
22	000624	Đặng Văn	Chính	08-04-2000	18SVL				
23	000625	Siu H'	Choắt	29-09-2000	18STH				
24	000626	Trần Thị Minh	Chung	15-01-1999	18CBC3				
25	000627	Lê Văn	Có	30-03-2000	18ST				
26	000628	Lê Thị Thu	Cúc	10-07-2000	18CBC4				
27	000629	Mai Thị Kim	Cúc	17-10-2000	18CBCC				
28	000630	Hồ Thị	Cuối	09-07-2000	18SGC				
29	000631	Trần Thị Kim	Cương	25-01-2000	18CVNH3				
30	000632	Phan Văn	Đà	02-08-1999	18CTM				
31	000633	Nguyễn Công	Đạc	10-11-2000	18CDDL1				
32	000634	Đỗ Đình	Dân	23-11-2000	18CDDL1				
33	000635	Nguyễn Thị Hồng	Dân	12-11-2000	18CVNH1				
34	000636	Võ Tâm	Đan	27-07-2000	18CBC2				
35	000637	Hoàng Thị Linh	Đan	09-06-2000	18CDDL1				
36	000638	Li	Đan	02-09-2000	18SGC				
37	000639	Trần Hoàng Hải	Đặng	21-10-1998	18SAN				
38	000640	Huỳnh Diệp	Danh	08-06-2000	18CBCC				
39	000641	Nguyễn Thành	Danh	26-09-2000	18SNV				
40	000642	Zơ Râm Kim	Đào	20-02-2000	18CBC3				
41	000643	Đoàn Thị Bích	Đào	04-10-2000	18SLS				
42	000644	Trần Văn	Đào	20-07-2000	18ST				
43	000645	Arát	Đảo	08-06-1999	18CTXH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 16 (A5-207)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000646	Huỳnh Bá Đạt	Đạt	22-07-2000	18CLS				
2	000647	Hồ Văn Đạt	Đạt	25-11-2000	18CVH				
3	000648	Võ Bá Đạt	Đạt	30-10-1999	18CVNH3				
4	000649	Lê Công Đạt	Đạt	06-11-2000	18SAN				
5	000650	Đinh Tiên Đạt	Đạt	22-08-2000	18SDL				
6	000651	Đông Vũ Tiên Đạt	Đạt	17-07-1999	18SHH				
7	000652	Hoàng Tiên Đạt	Đạt	07-08-2000	18SLS				
8	000653	Đỗ Hữu Đạt	Đạt	03-05-2000	18ST				
9	000654	Trương Công Đạt	Đạt	07-08-2000	18ST				
10	000655	Nguyễn Dầu	Dầu	20-12-1991	18SLS				
11	000656	Coor Déc	Déc	13-12-1999	18SGC				
12	000657	Từ Kiều Diễm	Diễm	10-01-2000	18CBC1				
13	000658	Hồ Thị Thanh Diễm	Diễm	16-12-2000	18CDDL1				
14	000659	Nguyễn Thị Diễm	Diễm	14-11-2000	18CVHH				
15	000660	Nguyễn Thị Diễm	Diễm	30-09-2000	18CVNH1				
16	000661	Lê Thị Diệu Diễm	Diễm	05-05-2000	18CVNH1				
17	000662	Trần Thị Diễm	Diễm	19-08-2000	18SMN				
18	000663	Nguyễn Thị Mỹ Diễm	Diễm	16-09-2000	18CTXH				
19	000664	Trương Văn Ân Diễm	Diễm	03-07-2000	18CTL1				
20	000665	Đoàn Thị Ngọc Diễm	Diễm	06-11-2000	18SNV				
21	000666	Trần Thị Xuân Diễm	Diễm	04-08-2000	18CHD				
22	000667	Nguyễn Thị Diễm	Diễm	14-02-2000	18CHD				
23	000668	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Diễm	23-01-2000	18CTLC				
24	000669	Nguyễn Thị Xuân Diễm	Diễm	06-08-2000	18CVNH1				
25	000670	A Lăng Dil	Dil	01-04-2000	18SGC				
26	000671	Ngô Tiểu Đình	Đình	27-11-2000	18CBC2				
27	000672	Hồih Thị Díp	Díp	21-11-1999	18CTXH				
28	000673	Hà Thị Thi Đoan	Đoan	20-07-2000	18CHDC				
29	000674	Huỳnh Nguyễn Cẩm Đoan	Đoan	25-02-2000	18CVNH1				
30	000675	Hồ Sỹ Dỡn	Dỡn	16-11-2000	18ST				
31	000676	Huỳnh Hồ Đông	Đông	20-07-2000	18CBC1				
32	000677	Lê Văn Đông	Đông	20-10-2000	18CBC1				
33	000678	Nguyễn Thị Kim Dư	Dư	06-10-2000	18CVHH				
34	000679	Poloong Thị Dưa	Dưa	27-05-2000	18CTXH				
35	000680	Trương Thành Đức	Đức	15-09-2000	18CTXH				
36	000681	Chu Thành Đức	Đức	15-01-2000	18CVNH2				
37	000682	Nguyễn Cao Minh Đức	Đức	06-01-2000	18SHH				
38	000683	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Dung	21-02-2000	18CVH				
39	000684	Phan Mỹ Dung	Dung	10-02-2000	18CVH				
40	000685	Trần Thị Phương Dung	Dung	13-07-2000	18CVNH1				
41	000686	Lê Thị Mỹ Dung	Dung	11-02-2000	18CVNH3				
42	000687	Trần Thị Thanh Dung	Dung	29-10-2000	18SHH				
43	000688	Nguyễn Thị Thanh Dung	Dung	31-12-2000	18SMN				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 17 (A5-208)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000689	Trần Thị Thùy	Dung	04-04-2000	18SNV				
2	000690	Nguyễn Thị Thùy	Dung	24-06-2000	18SS				
3	000691	Nguyễn Văn	Dũng	03-02-1999	18CBC2				
4	000692	Nguyễn Văn	Dũng	10-03-2000	18SLS				
5	000693	Nguyễn Thị Thùy	Dương	01-09-2000	18CTL2				
6	000694	Phạm Thị Thùy	Dương	24-11-2000	18CVNH1				
7	000695	Võ Thị Thùy	Dương	11-01-2000	18CVNH1				
8	000696	Phan Thùy	Dương	19-12-2000	18SHH				
9	000697	Nguyễn Thị	Đương	27-07-2000	18SGC				
10	000698	Trịnh Văn	Duy	26-10-2000	18CTM				
11	000699	Trần Vũ Bảo	Duy	06-10-2000	18SAN				
12	000700	Hoàng Nguyễn Kỳ	Duyên	30-08-2000	18CBC3				
13	000701	Mai Thị Thu	Duyên	06-12-2000	18CBC4				
14	000702	Nguyễn Thị Trúc	Duyên	15-07-2000	18CBC4				
15	000703	Nguyễn Ngô Phương	Duyên	07-04-2000	18CDDL1				
16	000704	Đông Thị Mỹ	Duyên	10-03-1999	18CDDL2				
17	000705	Phạm Thị Kiều	Duyên	28-11-2000	18CHD				
18	000706	Trần Thị Minh	Duyên	10-01-2000	18CHD				
19	000707	Hoàng Thị Mỹ	Duyên	25-06-2000	18CNSH				
20	000708	Lê Thị Mỹ	Duyên	04-01-2000	18CTL1				
21	000709	Trần Mỹ	Duyên	29-04-2000	18CTL2				
22	000710	Lê Thùy	Duyên	18-02-2000	18CTL2				
23	000711	Nguyễn Hoài	Duyên	22-01-2000	18CVH				
24	000712	Lê Thị	Duyên	25-12-2000	18CVNH1				
25	000713	Dương Thị Kỳ	Duyên	16-06-2000	18CVNH1				
26	000714	Trần Thị Mỹ	Duyên	04-10-2000	18CVNH2				
27	000715	Đoàn Thị	Duyên	01-10-2000	18SGC				
28	000716	Đinh Lê Thảo	Duyên	01-03-2000	18SHH				
29	000717	Lê Thị Mỹ	Duyên	01-11-2000	18SMN				
30	000718	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	12-06-2000	18SMN				
31	000719	Y	Duyên	23-02-2000	18SMN				
32	000720	Đinh Ngọc Thúy	Duyên	13-02-2000	18SNV				
33	000721	Nguyễn Thanh	Duyên	12-06-2000	18SNV				
34	000722	H' Nguôn	Êban	01-09-2000	18CVNH2				
35	000723	Brúu	Gà	24-04-2000	18SGC				
36	000724	Phạm Trường	Giang	02-09-2000	18CBC2				
37	000725	Trần Thị Thanh	Giang	06-05-2000	18CDDL1				
38	000726	Trần Lê Hương	Giang	29-10-2000	18CNSH				
39	000727	Nguyễn Thị	Giang	29-11-2000	18CTXH				
40	000728	Nguyễn Hà	Giang	31-05-2000	18CVH				
41	000729	Võ Thị Thùy	Giang	27-02-2000	18CVNH1				
42	000730	Nguyễn Thị Lan	Giang	08-02-2000	18SAN				
43	000731	Nguyễn Khánh	Giang	25-04-2000	18SGC				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 18 (A5-209)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000732	Alăng Thị Hà	Giang	11-07-1999	18SLS			
2	000733	Đoàn Thị Hà	Giang	11-05-2000	18ST			
3	000734	Lê Thị Minh	Giang	13-03-2000	18ST			
4	000735	Nguyễn Thị Trà	Giang	11-11-1999	18STH			
5	000736	Võ Lê Thùy	Giang	30-09-2000	18SVL			
6	000737	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	29-01-2000	18CBC3			
7	000738	Hồ Thị	Giao	20-03-2000	18CTM			
8	000739	Bùi Thị Quỳnh	Giao	01-01-2000	18CVNH3			
9	000740	Đặng Minh	Giáp	13-08-1999	18SAN			
10	000741	Lê Thị	Hà	04-11-2000	18CBC4			
11	000742	Lê Thị Hồng	Hà	27-05-2000	18CDDL1			
12	000743	Trịnh Thị Ngọc	Hà	16-01-2000	18CNSH			
13	000744	Lê Thiên	Hà	25-08-2000	18CTL2			
14	000745	Nguyễn Thị	Hà	25-11-2000	18CTXH			
15	000746	Ngô Nhật	Hà	29-06-1999	18CTXH			
16	000747	Hồ Thị	Hà	01-08-2000	18CTXH			
17	000748	Trần Nhĩ	Hà	14-10-2000	18CVH			
18	000749	Trần Thị Mỹ	Hà	24-08-2000	18CVH			
19	000750	Phạm Nguyễn Nhật	Hà	11-08-2000	18CVHH			
20	000751	Phạm Thị Thu	Hà	15-02-2000	18CVHH			
21	000752	Tạ Thanh	Hà	07-04-2000	18CVHH			
22	000753	Lê Thị	Hà	05-09-2000	18CVNH3			
23	000754	Võ Thị Mỹ	Hà	19-07-2000	18SGC			
24	000755	Dương Quang Việt	Hà	04-06-2000	18ST			
25	000756	Nguyễn Việt	Hà	15-08-2000	18ST			
26	000757	Võ Thị Ngọc	Hà	21-08-2000	18ST			
27	000758	Ngô Quang Nhật	Hạ	25-05-2000	18CBC1			
28	000759	Vũ Nguyễn Hải	Hạ	22-03-2000	18CBC2			
29	000760	Nguyễn Đình Thanh	Hải	20-03-2000	18CBC1			
30	000761	Đoàn Văn	Hải	07-03-2000	18CBC3			
31	000762	Nguyễn Công	Hải	18-06-2000	18CBC4			
32	000763	Phạm Văn	Hải	15-01-2000	18CDDL1			
33	000764	Nguyễn Thị Hoàng	Hải	02-07-2000	18CVNH2			
34	000765	Trương Phước	Hải	01-12-2000	18ST			
35	000766	Võ Hoàng Gia	Hân	01-07-2000	18CDDL1			
36	000767	Dương Thị Ngọc	Hân	16-01-2000	18CVHH			
37	000768	Đặng Thị Thúy	Hăng	01-02-2000	18CBC2			
38	000769	Nguyễn Thị Thúy	Hăng	20-08-2000	18CBC3			
39	000770	Trần Thị Thanh	Hăng	31-07-2000	18CBCC			
40	000771	Đặng Thị Thu	Hăng	04-01-2000	18CTL1			
41	000772	Nguyễn Thu	Hăng	25-05-2000	18CTL1			
42	000773	Nguyễn Thị	Hăng	25-06-2000	18CTM			
43	000774	Hoàng Thị Lệ	Hăng	24-11-2000	18CTXH			

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 19 (A5-210)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000775	Lê Thị Hằng	19-05-2000	18CVHH				
2	000776	Đông Lê Diệu Hằng	20-11-2000	18CVNH2				
3	000777	Lê Thị Hằng	11-10-2000	18CVNH2				
4	000778	Nguyễn Thị Hằng	19-09-2000	18CVNH2				
5	000779	Nguyễn Thị Hằng	03-11-2000	18CVNH3				
6	000780	Lê Thị Thu Hằng	30-07-2000	18CVNH3				
7	000781	Nguyễn Thị Hằng	07-07-2000	18CVNH3				
8	000782	Phạm Thị Thu Hằng	21-03-2000	18SHH				
9	000783	Phạm Thị Hằng	05-09-2000	18SLS				
10	000784	Huỳnh Thị Thanh Hằng	06-10-2000	18SMN				
11	000785	Nguyễn Thị Thúy Hằng	14-10-2000	18ST				
12	000786	Nguyễn Thị Bích Hạnh	19-07-2000	18CDDL1				
13	000787	Phạm Hồng Hạnh	11-11-2000	18CHD				
14	000788	Nguyễn Thị Hạnh	28-02-2000	18CTL2				
15	000789	Đỗ Thị Hạnh	07-03-2000	18CVNH2				
16	000790	Trương Việt Hào	28-06-2000	18CVH				
17	000791	Nguyễn Thị Bích Hào	19-08-2000	18CBC4				
18	000792	Mai Thanh Hào	20-12-2000	18CVH				
19	000793	Hiên Thị Hào	22-04-2000	18SNV				
20	000794	Phạm Thị Thúy Hậu	08-08-1999	18CVH				
21	000795	Huỳnh Mỹ Hậu	31-07-1999	18STH				
22	000796	Trần Thị Hải Hậu	10-04-1999	18SVL				
23	000797	Đinh Thị Thu Hè	29-10-2000	18SMN				
24	000798	Nguyễn Thanh Hiền	09-05-2000	18CVNH1				
25	000799	Phạm Thị Thu Hiền	15-10-2000	18CBC1				
26	000800	Đoàn Thị Thu Hiền	21-03-2000	18CBC1				
27	000801	Nguyễn Thị Thu Hiền	02-07-2000	18CBC2				
28	000802	Sâm Thị Thu Hiền	05-06-2000	18CBC2				
29	000803	Nguyễn Thị Xuân Hiền	02-06-2000	18CBC3				
30	000804	Ông Thị Diệu Hiền	23-05-2000	18CBC4				
31	000805	Vì Thị Hiền	18-11-2000	18CDDL2				
32	000806	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	18-09-2000	18CTL1				
33	000807	Phạm Thị Thu Hiền	22-10-2000	18CTXH				
34	000808	Lê Thị Thu Hiền	20-10-2000	18CTXH				
35	000809	Võ Thị Lệ Hiền	14-12-2000	18CTXH				
36	000810	Nguyễn Thị Út Hiền	22-03-2000	18CVH				
37	000811	Lê Thanh Thảo Hiền	04-12-2000	18CVHH				
38	000812	Nguyễn Thị Thu Hiền	14-07-2000	18CVNH1				
39	000813	Đoàn Thị Thu Hiền	13-04-2000	18CVNH2				
40	000814	Hà Thu Hiền	19-02-2000	18CVNH2				
41	000815	Lê Nguyễn Diệu Hiền	24-01-2000	18CVNH3				
42	000816	Nguyễn Thanh Hiền	10-02-2000	18CVNH3				
43	000817	Nguyễn Thị Thu Hiền	17-12-2000	18SMN				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 20 (A5-107)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000818	Vũ Thị Thu	Hiền	24-02-2000	18ST			
2	000819	Nguyễn Như	Hiền	02-09-2000	18STH			
3	000820	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07-07-2000	18STH			
4	000821	Mai Thị Thu	Hiền	12-04-2000	18SVL			
5	000822	Nguyễn Hoàng	Hiệp	22-10-2000	18CDDL2			
6	000823	Phạm Thị Xuân	Hiệp	16-10-2000	18CTL2			
7	000824	Hà Thị Mỹ	Hiệp	18-02-2000	18SHH			
8	000825	Nguyễn Ngọc Anh	Hiếu	23-10-2000	18CBC3			
9	000826	Nguyễn Thị Nhân	Hiếu	11-01-2000	18CBCC			
10	000827	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	09-11-2000	18CDDL1			
11	000828	Nguyễn Nho	Hiếu	27-10-1999	18CTL1			
12	000829	Đặng Thị	Hiếu	05-01-2000	18CTL1			
13	000830	Hồ Minh	Hiếu	16-06-2000	18CTLC			
14	000831	Trần Thị Thúy	Hiếu	27-11-2000	18CTXH			
15	000832	Nguyễn Quang	Hiếu	17-01-1997	18CTXH			
16	000833	Lê Duy	Hiếu	25-06-2000	18CVHH			
17	000834	Phan Thị	Hiếu	11-05-2000	18CVNH2			
18	000835	Võ Thị	Hiếu	25-04-2000	18CVNH2			
19	000836	Huỳnh	Hiếu	10-11-2000	18SGC			
20	000837	Trương Thị Minh	Hiếu	30-09-2000	18ST			
21	000838	Trần Thị Thanh	Hiếu	12-03-2000	18STH			
22	000839	Nguyễn Văn	Hiếu	20-03-2000	18SVL			
23	000840	Tăng Thị Huy	Hiếu	01-01-2000	18CVHH			
24	000841	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	21-09-2000	18CBC1			
25	000842	Lê Thị Anh	Hoa	01-10-2000	18CBCC			
26	000843	Lê Thị Thùy	Hoa	09-03-2000	18CTLC			
27	000844	Bùi Nguyễn Lệ	Hoa	14-08-2000	18SAN			
28	000845	Nguyễn Thị	Hoa	30-07-2000	18SMN			
29	000846	Đinh Thị	Hoa	12-05-2000	18SS			
30	000847	Nguyễn Quý	Hòa	11-04-2000	18CBC4			
31	000848	Trần Thị Khánh	Hòa	30-08-2000	18CBC2			
32	000849	Đặng Diệu	Hòa	24-11-1999	18CBC4			
33	000850	Trần Công	Hòa	19-07-2000	18CDDL2			
34	000851	Trương Thị	Hòa	26-04-2000	18CHD			
35	000852	Bùi Xuân	Hòa	27-03-2000	18CHD			
36	000853	Trần Thị	Hòa	18-06-2000	18SDL			
37	000854	Nguyễn	Hòa	08-06-2000	18SLS			
38	000855	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hoài	01-01-2000	18CBC3			
39	000856	Nguyễn Thị	Hoài	05-11-2000	18CBC4			
40	000857	Phạm Thị Thu	Hoài	26-08-2000	18CDDL2			
41	000858	Nguyễn Thị	Hoài	25-08-2000	18CTL2			
42	000859	Nguyễn Thị Tuyết	Hoài	04-02-2000	18CVNH2			
43	000860	Hoàng Thị	Hoài	27-02-2000	18SMN			

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 3 (7h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 21 (A3-01)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000861	Trương Việt Hoàng	23-10-2000	18CBC1				
2	000862	Lâm Phước Hoàng	22-05-2000	18CDDL1				
3	000863	Đỗ Tuấn Hoàng	30-04-2000	18CDDL2				
4	000864	Nguyễn Văn Hoàng	26-01-2000	18CTL2				
5	000865	Lê Hoàng	23-06-2000	18CVNH1				
6	000866	Trương Nhật Hoàng	11-12-2000	18CVNH3				
7	000867	Cao Nguyễn Thanh Hoàng	27-03-2000	18SHH				
8	000868	Trần Thị Hồng Hoanh	06-01-2000	18CVNH3				
9	000869	Nguyễn Thị Hồng	28-11-1999	18CBC2				
10	000870	Mai Thị Hồng	25-03-2000	18CTM				
11	000871	Trương Thị Hồng	15-01-2000	18CTXH				
12	000872	Đặng Thị Hồng	08-09-2000	18SMN				
13	000873	Nguyễn Thị Hồng	06-09-2000	18SMN				
14	000874	Nguyễn Thị Minh Hồng	26-05-2000	18SMN				
15	000875	Nguyễn Thị Ánh Hồng	23-09-2000	18STH				
16	000876	Nguyễn Bách Hợp	01-12-2000	18CBC3				
17	000877	Vũ Thị Thanh Huệ	21-03-2000	18SNV				
18	000878	Thái Thị Thanh Huệ	16-08-1995	18CTL1				
19	000879	Nguyễn Thị Mai Huệ	20-09-2000	18SGC				
20	000880	Lê Thị Huệ	12-02-2000	18STH				
21	000881	Nguyễn Tuấn Hùng	11-06-2000	18CLS				
22	000882	Huỳnh Tấn Hùng	15-05-2000	18CVNH3				
23	000883	Lê Bá Nguyên Hưng	30-01-2000	18CTM				
24	000884	Hạ Ngọc Hưng	15-11-2000	18SVL				
25	000885	Cao Thị Lan Hương	26-01-2000	18CBC4				
26	000886	Đặng Thị Xuân Hương	01-11-2000	18CDDL1				
27	000887	Nguyễn Thị Hương	25-07-2000	18CHD				
28	000888	Nguyễn Thị Thu Hương	22-11-2000	18CLS				
29	000889	Nguyễn Thị Thanh Hương	05-08-1995	18CTL2				
30	000890	Phan Thị Thu Hương	15-10-2000	18CVNH1				
31	000891	Lê Thị Diễm Hương	26-05-2000	18SGC				
32	000892	Hà Thị Vũ Hương	28-04-2000	18SHH				
33	000893	Đặng Thùy Lan Hương	26-05-2000	18SNV				
34	000894	Huỳnh Thị Diễm Hương	11-12-2000	18SNV				
35	000895	Nguyễn Thị Hồng Hương	08-04-2000	18SNV				
36	000896	Nguyễn Thị Hương	15-08-2000	18SNV				
37	000897	Nguyễn Thị Linh Hương	29-01-2000	18SNV				
38	000898	Phan Thị Thanh Hương	03-07-2000	18STH				
39	000899	Huỳnh Thị Hương	05-11-2000	18SVL				
40	000900	Nguyễn Thị Thanh Hường	15-08-2000	18CHDC				
41	000901	Thị Thị Kim Hường	28-03-1999	18SDL				
42	000902	Nguyễn Chiến Hữu	20-10-1994	18SVL				
43	000903	Trần Nhật Huy	07-08-2000	18CBC2				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 22 (A5-206)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000904	Trần Công Huy	14-02-2000	18CDDL1				
2	000905	Nguyễn Đình Huy	22-10-2000	18CDDL2				
3	000906	Trần Bảo Huy	10-02-2000	18CLS				
4	000907	Đổng Mạnh Huy	21-11-2000	18CVNH2				
5	000908	Phan Quang Huy	23-08-2000	18SLS				
6	000909	Võ Quang Huy	02-04-1999	18SLS				
7	000910	Nguyễn Thị Xuân Huyền	07-04-2000	18CBC4				
8	000911	Đặng Thị Huyền	02-12-2000	18CDDL2				
9	000912	Phạm Thị Huyền	25-10-2000	18CVNH3				
10	000913	Nguyễn Thị Bảo Huyền	11-11-2000	18SMN				
11	000914	Ngô Thị Minh Huyền	12-09-2000	18CBC1				
12	000915	Nguyễn Minh Huyền	19-07-2000	18CBC3				
13	000916	Trần Ngọc Nhật Huyền	03-10-2000	18CLS				
14	000917	Nguyễn Khánh Huyền	11-01-2000	18CTL1				
15	000918	Đặng Thị Minh Huyền	29-02-2000	18CVH				
16	000919	Đinh Thị Ngọc Huyền	08-03-2000	18CVNH1				
17	000920	Đinh Thị Thu Huyền	23-07-2000	18CVNH2				
18	000921	Nguyễn Thị Khánh Huyền	27-01-2000	18SMN				
19	000922	Cao Thị Thu Huyền	27-08-2000	18SMN				
20	000923	Đoàn Thị Thanh Huyền	29-06-2000	18SMN				
21	000924	Trần Thị Ngọc Huyền	26-06-2000	18ST				
22	000925	Nguyễn Thụy Hoa Huyền	14-06-2000	18STH				
23	000926	Nguyễn Đặng Minh Huyền	31-12-1999	18STH				
24	000927	Trần Thị Huyền	05-06-2000	18STH				
25	000928	Cao Thị Khánh Huyền	15-08-2000	18STH				
26	000929	Đặng Thị Ngọc Huyền	24-07-1997	18SVL				
27	000930	Trần Thị Như Huỳnh	24-05-2000	18CBC1				
28	000931	Hồ Thị Mỹ Ka	16-02-1999	18CTL1				
29	000932	Hiên Kaly	10-09-1999	18CTXH				
30	000933	H' Rôn - Kbuôr	08-09-2000	18CTXH				
31	000934	Huỳnh Kim Yến Kha	22-06-2000	18CBC2				
32	000935	Nguyễn Việt Gia Khải	23-04-2000	18CBC3				
33	000936	Nguyễn Việt Khải	12-10-2000	18CVNH1				
34	000937	Nguyễn Trọng Khang	11-11-2000	18CBC4				
35	000938	Dương Thái Khang	15-08-2000	18CTL1				
36	000939	Nguyễn Lê Phương Khánh	22-09-2000	18CBC1				
37	000940	Nguyễn Thị Vân Khánh	30-01-2000	18CBC2				
38	000941	Trương Mai Ngọc Khánh	21-09-2000	18CBC3				
39	000942	Bling Khánh	23-12-2000	18CTXH				
40	000943	Phạm Vân Khánh	14-07-2000	18ST				
41	000944	Ngô Tấn Khoa	03-05-2000	18SHH				
42	000945	Nguyễn Lê Anh Khương	17-04-2000	18SS				
43	000946	Đoàn Thi Kiệt	12-01-2000	18CVNH3				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 23 (A5-207)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000947	Phạm Tuấn	Kiệt	04-03-2000	18ST				
2	000948	Trần Thị Ban	Kiều	25-05-2000	18CTXH				
3	000949	Nguyễn Thị	Kiều	23-04-2000	18CVNH1				
4	000950	Nguyễn Thị	Kiều	29-12-2000	18SHH				
5	000951	Nguyễn Thị Thu	Kiều	25-04-2000	18STH				
6	000952	Kía Mực Thị	Kim	28-07-2000	18CTXH				
7	000953	Phan Thị Diệu	Kỳ	04-11-2000	18CVNH3				
8	000954	Trần Thị Đức	Lai	30-11-2000	18CBC4				
9	000955	Võ Thị	Lài	20-08-2000	18CTL2				
10	000956	Lê Thị Kim	Lài	03-01-2000	18CVH				
11	000957	Đoàn Thị	Lài	18-12-2000	18SMN				
12	000958	Nguyễn Thị Thuỳ	Lam	02-07-2000	18CBC1				
13	000959	Huỳnh Cao Võ	Lâm	26-06-2000	18CBC2				
14	000960	Nguyễn Văn	Lâm	19-02-2000	18CBC3				
15	000961	Võ Quốc	Lâm	03-10-2000	18CBC4				
16	000962	Lê Hoàng	Lâm	13-04-2000	18ST				
17	000963	Nguyễn Minh	Lâm	26-01-2000	18SVL				
18	000964	Nguyễn Thị	Lan	02-06-2000	18CDDL2				
19	000965	Phạm Thị Hương	Lan	20-05-2000	18SDL				
20	000966	Hoàng Thị	Lan	22-01-2000	18SMN				
21	000967	Đặng Thị Hải	Lan	15-06-1999	18SMN				
22	000968	Lê Thị Ngọc	Lan	02-08-2000	18STH				
23	000969	Trần Thanh	Lăng	19-05-2000	18CNSH				
24	000970	Nguyễn Thị	Lành	12-02-2000	18CBC1				
25	000971	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	29-09-2000	18STH				
26	000972	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	02-05-2000	18CDDL1				
27	000973	Huỳnh Thị Mai	Lê	16-01-2000	18CNSH				
28	000974	Đoàn Thị Bích	Lê	16-02-2000	18CTL1				
29	000975	Nguyễn Thị	Lê	10-12-2000	18CTL2				
30	000976	Đoàn Thị	Lê	22-03-1999	18CVNH1				
31	000977	Phạm Thị Nhật	Lê	16-05-2000	18CVNH3				
32	000978	Huỳnh Thị Thanh	Liên	07-02-2000	18SS				
33	000979	Nguyễn Thị Kim	Liên	30-12-1999	18CHD				
34	000980	Phạm Thị Kiều	Liên	27-02-2000	18CVNH1				
35	000981	Trịnh Ngọc	Liên	24-03-2000	18CVNH3				
36	000982	Nguyễn Thị	Liên	20-12-2000	18SLS				
37	000983	Trần Thị	Liều	17-10-2000	18CDDL2				
38	000984	Nguyễn Văn	Lin	22-04-2000	18CDDL2				
39	000985	Nguyễn Thị Diệu	Linh	30-09-2000	18CBC1				
40	000986	Đoàn Thị Phương	Linh	08-10-2000	18CBC2				
41	000987	Phạm Phương	Linh	11-07-2000	18CBC2				
42	000988	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	10-09-2000	18CBC3				
43	000989	Phạm Thùy	Linh	20-02-2000	18CBC3				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 24 (A5-208)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	000990	Lương Thị Mỹ Linh	21-05-2000	18CBC4				
2	000991	Ngô Thùy Linh	18-04-2000	18CDDL1				
3	000992	Trần Linh	08-01-2000	18CDDL1				
4	000993	Phạm Thị Nhật Linh	15-07-2000	18CDDL2				
5	000994	Nguyễn Châu Hoài Linh	27-07-2000	18CHD				
6	000995	Nguyễn Mỹ Linh	18-01-2000	18CHD				
7	000996	Y Hoài Linh	30-06-2000	18CHD				
8	000997	Phan Thị Nhật Linh	10-04-2000	18CHDC				
9	000998	Nguyễn Trọng Linh	21-08-1999	18CNSH				
10	000999	Nguyễn Thùy Linh	22-07-2000	18CNSH				
11	001000	Vũ Thị Linh	14-10-2000	18CTL1				
12	001001	Y Linh	26-05-2000	18CTXH				
13	001002	Nguyễn Thị Thúy Linh	04-04-2000	18CVNH1				
14	001003	Nguyễn Đình Linh	09-02-2000	18CVNH1				
15	001004	Đới Thị Linh	20-08-2000	18CVNH2				
16	001005	Trần Thị Mai Linh	15-01-2000	18CVNH3				
17	001006	Hoàng Hương Linh	01-04-2000	18SHH				
18	001007	Nguyễn Lê Trường Linh	28-08-2000	18SHH				
19	001008	Vũ Thị Diệu Linh	06-12-2000	18SLS				
20	001009	Trần Thị Mỹ Linh	02-08-2000	18SMN				
21	001010	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15-01-2000	18SMN				
22	001011	Đỗ Thị Kiều Linh	29-08-2000	18SMN				
23	001012	Phạm Phương Linh	09-02-2000	18SNV				
24	001013	Nguyễn Thị Hoài Linh	10-02-2000	18SNV				
25	001014	Nguyễn Thị Hồng Linh	30-06-2000	18STH				
26	001015	Trần Thị Hoài Linh	08-11-2000	18STH				
27	001016	Phan Thị Thuý Linh	05-07-2000	18SVL				
28	001017	Trần Thị Thúy Loan	16-02-2000	18CNSH				
29	001018	Nguyễn Thúy Loan	09-04-2000	18ST				
30	001019	Nguyễn Thị Xuân Lộc	09-03-2000	18CDDL1				
31	001020	Đông Thị Thanh Lợi	27-07-1999	18CDDL1				
32	001021	Chu Đình Lợi	30-09-1999	18CTL2				
33	001022	Trần Viết Lợi	15-11-2000	18CVH				
34	001023	Phạm Thị Châu Long	20-04-2000	18CBC1				
35	001024	Nguyễn Văn Long	19-11-2000	18CBC4				
36	001025	Lê Trà Long	10-06-2000	18CDDL2				
37	001026	Nguyễn Đỗ Kim Long	02-04-2000	18CDDL2				
38	001027	Trương Thị Kim Long	29-08-2000	18CVNH1				
39	001028	Nguyễn Thượng Hoàng Long	18-07-2000	18ST				
40	001029	Kiều Văn Long	07-06-2000	18SVL				
41	001030	Tom Lormany	05-10-1999	18SGC				
42	001031	Trương Hoàng Lụa	23-07-2000	18SAN				
43	001032	Nguyễn Thị Lụa	10-07-2000	18SLS				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 25 (A5-209)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001033	Nguyễn Thành	Luân	11-07-1999	18SDL				
2	001034	Hoàng Hiệp	Lực	23-06-2000	18CHD				
3	001035	Nguyễn Văn	Lương	12-10-2000	18CBC2				
4	001036	Nguyễn Ngọc	Lương	12-10-2000	18CTM				
5	001037	Hồ Thị	Lương	08-08-2000	18SGC				
6	001038	Nguyễn Tổ	Lương	12-12-2000	18SHH				
7	001039	Trần Thị Phương	Lưu	20-03-2000	18CBC3				
8	001040	Đinh Công	Luyện	13-07-2000	18CDDL2				
9	001041	Phan Thị Hồng	Luyện	05-06-2000	18CTL2				
10	001042	Phạm Thị Khánh	Ly	05-03-2000	18CDDL2				
11	001043	Hồ Thị Cẩm	Ly	26-03-2000	18CTL1				
12	001044	Lê Thị Phương	Ly	25-07-1999	18CTL2				
13	001045	Nguyễn Thị Khánh	Ly	14-10-2000	18CVHH				
14	001046	Văn Lê Hoàng Thảo	Ly	06-02-2000	18CVNH1				
15	001047	Nguyễn Thị Hoàng	Lý	04-07-2000	18CVH				
16	001048	Nguyễn Thị	Lý	28-08-2000	18CVNH1				
17	001049	Đậu Thị	Lý	21-10-2000	18SMN				
18	001050	Lê Thị Quỳnh	Mai	20-02-2000	18CBC3				
19	001051	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	18-04-2000	18CDDL1				
20	001052	Nguyễn Chi	Mai	14-06-2000	18CTXH				
21	001053	Ông Ngô Thanh	Mai	19-02-2000	18SHH				
22	001054	Đậu Thị Thanh	Mai	06-06-2000	18STH				
23	001055	Hoàng Thị	Mân	20-09-2000	18CTXH				
24	001056	Nguyễn Thị Thúy	Mân	26-07-2000	18CBC1				
25	001057	Nguyễn Minh	Mẫn	13-05-2000	18CBC4				
26	001058	Nguyễn Thị Thu	Mẫn	26-10-2000	18SNV				
27	001059	Bling Thị	Mây	02-02-2000	18CVNH2				
28	001060	Nguyễn Thị	Mến	12-01-2000	18SNV				
29	001061	Alăng	Mệnh	20-05-1999	18CTXH				
30	001062	Trần Huyền Giao	Mi	07-01-2000	18CHD				
31	001063	Phùng Thị Hoàng	Mi	26-03-2000	18SHH				
32	001064	Lâm Phạm Thúy	Mi	03-06-2000	18SHH				
33	001065	Thái Thị	Miền	02-08-2000	18CTL1				
34	001066	Nguyễn Văn Hải	Minh	10-09-2000	18CBC2				
35	001067	Võ Thị Kim	Minh	16-01-2000	18CBC3				
36	001068	Nguyễn Hữu Nhật	Minh	17-10-1999	18CDDL2				
37	001069	Nguyễn Phú Thanh	Minh	22-09-2000	18CHD				
38	001070	Phan Thành	Minh	28-05-2000	18CTL2				
39	001071	Hồ Đỗ Thanh	Minh	09-07-2000	18CVH				
40	001072	Võ Đức Hoàng	Minh	03-05-2000	18CVHH				
41	001073	Phạm Nhật	Minh	07-08-2000	18CVNH1				
42	001074	Trịnh Xuân	Minh	13-09-2000	18CVNH3				
43	001075	Phạm Lê Ngọc	Minh	16-06-2000	18SHH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 26 (A5-210)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001076	Nguyễn Quang Minh	16-07-2000	18SS				
2	001077	Trần Thị Minh	22-03-2000	18STH				
3	001078	Ngô Thị Anh Minh	01-01-1999	18STH				
4	001079	Lâm Thị Minh	31-12-2000	18SVL				
5	001080	Nguyễn Thị Thu Mơ	19-06-2000	18CTXH				
6	001081	Trần Thị Diễm My	30-03-2000	18CBC1				
7	001082	Nguyễn Thị Bảo My	14-06-2000	18CHD				
8	001083	Hồ Thị Kim My	06-10-2000	18STH				
9	001084	Nguyễn Thị Hoàng Mỹ	01-11-2000	18CBC4				
10	001085	Hồ Thị Thu Mỹ	10-07-2000	18CTXH				
11	001086	Nguyễn Thị Mỹ	29-01-2000	18SHH				
12	001087	Nguyễn Kim Mỹ	28-01-2000	18SLS				
13	001088	Trần Thị Kim Mỹ	14-05-2000	18SNV				
14	001089	Nguyễn Đặng Chi Na	10-11-2000	18CBC2				
15	001090	Trần Thị Khánh Na	18-10-2000	18CBC3				
16	001091	Nay Trung Nam	06-02-2000	18CBC4				
17	001092	Trần Hoài Nam	16-09-2000	18CBCC				
18	001093	Nguyễn Phương Nam	29-04-2000	18CDDL2				
19	001094	Nguyễn Quế Nam	30-08-2000	18CLS				
20	001095	Triệu Văn Nam	22-05-1997	18SDL				
21	001096	Phạm Thị Nga	24-09-2000	18CBC1				
22	001097	Từ Thị Việt Nga	04-07-2000	18CBC3				
23	001098	Võ Hoàng Nga	27-10-2000	18CBC4				
24	001099	Lê Thị Thúy Nga	10-02-2000	18CNSH				
25	001100	Phạm Thị Tuyết Nga	23-05-2000	18CTL2				
26	001101	Trịnh Thị Lê Nga	23-05-2000	18CVNH2				
27	001102	Đinh Thị Thùy Nga	10-08-2000	18SAN				
28	001103	Nguyễn Thị Hồng Nga	20-06-2000	18SAN				
29	001104	Lê Nguyễn Thanh Nga	29-06-2000	18SMN				
30	001105	Cao Thị Nga	11-01-2000	18SNV				
31	001106	Lê Thị Ngọc Ngân	30-09-2000	18CBC1				
32	001107	Ngô Hà Thanh Ngân	20-05-2000	18CBC2				
33	001108	Lê Thị Kim Ngân	20-06-2000	18CBC2				
34	001109	Trần Thanh Ngân	23-03-2000	18CBC3				
35	001110	Võ Thị Kim Ngân	12-01-2000	18CBCC				
36	001111	Lê Vũ Kim Ngân	11-10-2000	18CNSH				
37	001112	Lưu Thủy Hoàng Ngân	31-07-2000	18CTL1				
38	001113	Nguyễn Thị Kim Ngân	16-08-2000	18CTL2				
39	001114	Ngô Thị Thanh Ngân	01-01-2000	18CTXH				
40	001115	Trần Nguyễn Hoàng Ngân	12-11-2000	18CVHH				
41	001116	Hồ Thị Lê Ngân	10-10-2000	18CVNH1				
42	001117	Phan Thị Thanh Ngân	10-05-1999	18CVNH2				
43	001118	Hồ Nguyễn Phương Ngân	01-03-2000	18CVNH2				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 27 (A5-107)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001119	Hoàng Tô Ngân	26-11-2000	18CVNH3				
2	001120	Nguyễn Thị Ngân	23-08-2000	18CVNH3				
3	001121	Ngô Hoàng Ngân	22-03-1999	18SAN				
4	001122	Hoàng Thị Ngân	28-12-2000	18SGC				
5	001123	Lê Thị Minh Ngân	29-05-2000	18SHH				
6	001124	Phan Thị Ngọc Ngân	02-06-2000	18SHH				
7	001125	Nguyễn Thị Minh Ngân	04-12-2000	18SMN				
8	001126	Lê Thúy Ngân	18-08-1999	18SMN				
9	001127	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	27-08-2000	18SNV				
10	001128	Ngô Thị Kiều Ngân	05-09-2000	18SNV				
11	001129	Đặng Thị Thúy Ngân	20-02-2000	18ST				
12	001130	Đinh Thị Thảo Ngân	07-07-2000	18STH				
13	001131	Trần Kim Ngân	13-09-2000	18STH				
14	001132	Y Nghĩa	19-12-2000	18SGC				
15	001133	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	17-05-2000	18CBC4				
16	001134	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	27-07-2000	18CDDL2				
17	001135	Đinh Thị Xuân Ngọc	09-05-2000	18CTL1				
18	001136	Trần Hồng Ngọc	23-11-2000	18CTL2				
19	001137	Huỳnh Tân Ngọc	14-01-2000	18CTM				
20	001138	Nguyễn Thanh Tường Ngọc	08-05-2000	18CVH				
21	001139	Trương Hoài Ngọc	07-04-2000	18CVNH2				
22	001140	Phan Thị Khánh Ngọc	03-02-2000	18SLS				
23	001141	Hồ Thị Ngọc	29-09-2000	18SNV				
24	001142	Phùng Lê Nguyên Ngọc	09-12-2000	18STH				
25	001143	Trần Thị Thảo Nguyên	26-07-2000	18CBC1				
26	001144	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	19-07-2000	18CBC1				
27	001145	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	11-08-2000	18CBC2				
28	001146	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	09-08-2000	18CBC3				
29	001147	Phan Thảo Bình Nguyên	19-07-2000	18CBC4				
30	001148	Nguyễn Lê Phương Nguyên	17-03-2000	18CTL1				
31	001149	Phạm Thị Thảo Nguyên	18-02-2000	18CTL2				
32	001150	Dương Thị Thảo Nguyên	07-04-2000	18CTXH				
33	001151	Đặng Thị Thảo Nguyên	09-04-2000	18CVHH				
34	001152	Nguyễn Hữu Phước Nguyên	21-10-2000	18CVNH2				
35	001153	Nguyễn Thị Trinh Nguyên	23-08-2000	18SAN				
36	001154	Nguyễn Tịnh Nguyên	24-05-2000	18SS				
37	001155	Lê Vũ Thảo Nguyên	08-06-2000	18SS				
38	001156	Đặng Thảo Nguyên	20-08-2000	18STH				
39	001157	Nguyễn Tường Nguyên	17-09-2000	18STH				
40	001158	Võ Thị Nguyên	24-08-1998	18SVL				
41	001159	Võ Thị Hồng Nguyên	13-05-2000	18SVL				
42	001160	Nguyễn Thị Anh Nguyệt	20-03-2000	18CHD				
43	001161	Phan Thị Anh Nguyệt	26-09-2000	18CNSH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 4 (9h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 28 (A3-01)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001162	Lê Thị Tiêu Nguyệt	28-02-2000	18CTL1				
2	001163	Nguyễn Thùy Trang Nhã	11-04-1999	18CBC2				
3	001164	Phan Hoàng Nhã	08-03-2000	18SVL				
4	001165	Hoàng Thị Nhàn	30-07-1999	18CDDL1				
5	001166	Đoàn Văn Nhân	03-09-2000	18CBC3				
6	001167	Ngô Lê Hồng Nhân	17-06-2000	18CBC4				
7	001168	Nguyễn Nhân	02-02-2000	18CDDL2				
8	001169	Võ Thị Thanh Nhân	14-10-2000	18CHD				
9	001170	Huỳnh Thị Nhân	21-04-2000	18CTL2				
10	001171	Đặng Phan Hạnh Nhân	26-09-2000	18ST				
11	001172	Cáp Thị Nhạn	26-03-2000	18CVNH2				
12	001173	Trần Xuân Quý Nhật	14-07-1997	18SAN				
13	001174	Hồ Thị Minh Nhật	21-05-2000	18CBC1				
14	001175	Nguyễn Thị Thuý Nhật	24-06-2000	18CBC2				
15	001176	Lê Thảo Nhi	05-11-2000	18CBC1				
16	001177	Phạm Thị Thảo Nhi	10-03-2000	18CBC1				
17	001178	Nguyễn Bạch Tuyết Nhi	17-03-2000	18CBC2				
18	001179	Phan Nguyễn Khánh Nhi	02-09-2000	18CBC2				
19	001180	Nguyễn Khánh Nhi	28-09-2000	18CBC3				
20	001181	Bùi Thị Yên Nhi	22-05-2000	18CBC3				
21	001182	Trần Nguyễn Bình Nhi	14-06-2000	18CBC3				
22	001183	Nguyễn Thị Yên Nhi	06-04-2000	18CBC4				
23	001184	Trần Thị Long Nhi	29-06-2000	18CBC4				
24	001185	Đoàn Thị Yên Nhi	02-02-2000	18CBC4				
25	001186	Phạm Lê Thuý Nhi	26-09-2000	18CBCC				
26	001187	Nguyễn Trần Yên Nhi	17-07-2000	18CHDC				
27	001188	Lương Thị Thảo Nhi	22-09-2000	18CNSH				
28	001189	Hoàng Thị Cẩm Nhi	06-08-2000	18CTL1				
29	001190	Lê Thị Ý Nhi	15-10-2000	18CTL1				
30	001191	Lê Thị Mỹ Nhi	19-08-2000	18CTL2				
31	001192	Nguyễn Thị Ý Nhi	11-10-2000	18CTL2				
32	001193	Trần Thị Bích Nhi	16-03-2000	18CTLC				
33	001194	Mai Phan Long Nhi	13-04-2000	18CTM				
34	001195	Lê Thị Tịnh Nhi	03-04-2000	18CVH				
35	001196	Mai Vũ Hiền Nhi	17-04-2000	18CVH				
36	001197	Lê Phương Châu Nhi	18-07-2000	18CVHH				
37	001198	Nguyễn Lan Nhi	23-09-2000	18CVHH				
38	001199	Trương Thị Mai Nhi	01-09-2000	18CVNH1				
39	001200	Trần Ngọc Tú Nhi	14-01-2000	18CVNH1				
40	001201	Trần Thị Hồng Nhi	10-11-2000	18CVNH3				
41	001202	Nguyễn Thị Yên Nhi	24-10-2000	18CVNH3				
42	001203	Phạm Lâm Thảo Nhi	11-06-2000	18SGC				
43	001204	Đào Uyên Nhi	13-12-2000	18SGC				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 29 (A5-206)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001205	Đoàn Thị Thu Nhi	28-04-2000	18SHH				
2	001206	Hồi Thị Yên Nhi	08-07-1999	18SLS				
3	001207	Võ Thị Yên Nhi	20-09-2000	18SNV				
4	001208	Lê Thị Nhi	28-06-2000	18SNV				
5	001209	Trần Khánh Nhi	11-12-2000	18STH				
6	001210	Võ Tuyết Nhi	01-06-2000	18STH				
7	001211	Đặng Thị Yên Nhi	05-05-2000	18STH				
8	001212	Phan Võ Hoàng Nhi	31-12-2000	18STH				
9	001213	Nguyễn Hồng Kim Nhi	20-11-2000	18STH				
10	001214	Đỗ Yên Nhi	12-07-2000	18SVL				
11	001215	Ngô Thị Thu Nhi	27-06-2000	18CVNH3				
12	001216	Colâu Thị Nhón	05-06-2000	18CTXH				
13	001217	Trương Thành Nhơn	13-10-2000	18CNSH				
14	001218	Nguyễn Quỳnh Như	26-03-2000	18CBC1				
15	001219	Phan Thị Ý Như	06-07-2000	18CBC2				
16	001220	Rô H' Như	03-04-2000	18CBC3				
17	001221	Nguyễn Lâm Ái Như	27-04-2000	18CDDL1				
18	001222	Phan Thị Thanh Như	24-08-2000	18CTL1				
19	001223	Dương Hà Quỳnh Như	26-08-2000	18CVH				
20	001224	Trần Thị Quỳnh Như	20-01-2000	18SAN				
21	001225	Lê Thị Quỳnh Như	24-11-2000	18SMN				
22	001226	Trần Châu Bảo Như	07-08-2000	18SMN				
23	001227	Hồ Thị Cẩm Nhung	22-03-1998	18CDDL1				
24	001228	Trần Thị Hồng Nhung	16-10-2000	18CHD				
25	001229	Phan Thị Cẩm Nhung	12-09-2000	18CHD				
26	001230	Nguyễn Nhật Hồng Nhung	02-04-2000	18CTL2				
27	001231	Lê Thị Thùy Nhung	07-01-2000	18CTXH				
28	001232	Lê Thị Nhung	06-10-2000	18CVNH1				
29	001233	Phạm Thị Tuyết Nhung	12-09-2000	18CVNH1				
30	001234	Đỗ Thị Hồng Nhung	21-11-2000	18CVNH1				
31	001235	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30-04-2000	18STH				
32	001236	Lê Hồng Nhung	14-09-2000	18STH				
33	001237	Võ Thị Minh Ni	09-12-2000	18CBC4				
34	001238	Nguyễn Thị Thảo Ni	28-06-2000	18SAN				
35	001239	Lê Thảo Ni	11-02-2000	18SHH				
36	001240	H' Tô Niê	09-01-2000	18SGC				
37	001241	Đỗ Thị Bích Niên	21-01-2000	18CHD				
38	001242	Lê Thị Hải Ninh	20-10-2000	18CTL1				
39	001243	Y Ô Nít	26-06-2000	18SAN				
40	001244	Y Nôm	04-06-1999	18SAN				
41	001245	Ngô Thị Phương Nữ	02-02-2000	18CBC1				
42	001246	Đặng Thị Tố Nữ	09-10-2000	18STH				
43	001247	Phạm Lê Xuân Nữ	10-12-2000	18STH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 30 (A5-207)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001248	Huỳnh Thúy Ny	12-11-2000	18CDDL2				
2	001249	Dương Quỳnh Oanh	27-07-2000	18CBC2				
3	001250	Trần Thị Kiều Oanh	01-12-1998	18CBC3				
4	001251	Trương Thị Kiều Oanh	26-10-2000	18CDDL2				
5	001252	Trần Thị Ngọc Oanh	30-08-2000	18CNSH				
6	001253	Chu Thị Kiều Oanh	12-11-2000	18CNSH				
7	001254	Trương Thị Kim Oanh	26-10-2000	18CNSH				
8	001255	Nguyễn Thị Oanh	20-07-2000	18CNSH				
9	001256	Hoàng Thị Oanh	20-09-2000	18CTL2				
10	001257	Nguyễn Trần Hoài Oanh	03-02-2000	18CVH				
11	001258	Nguyễn Thị Kiều Oanh	12-02-2000	18CVHH				
12	001259	Phan Thị Thu Oanh	15-11-2000	18CVNH2				
13	001260	Trần Hoàng Oanh	18-06-2000	18SMN				
14	001261	Nguyễn Trần Hồng Oanh	01-09-2000	18STH				
15	001262	Ngô Thị Hồng Oanh	04-06-2000	18SVL				
16	001263	Trần Đức Pháp	17-04-2000	18CBC4				
17	001264	Lê Tấn Phát	20-06-2000	18CVNH3				
18	001265	Võ Lý Nữ Thị Phi	08-03-1999	18CNSH				
19	001266	Đặng Thị Phi	13-06-2000	18CTL1				
20	001267	Nay Phiên	15-08-2000	18CBC1				
21	001268	Bexe Phimmasone	11-10-1999	18SGC				
22	001269	Đinh Thị Hoài Phong	02-07-2000	18CBC2				
23	001270	Trần Kim Phong	15-03-1998	18CBC3				
24	001271	Nguyễn Thị An Phong	01-02-2000	18CTXH				
25	001272	Nguyễn Anh Phong	19-06-2000	18SNV				
26	001273	Đoàn Thị Hồng Phú	18-10-2000	18CTL2				
27	001274	Ngô Thị Hồng Phúc	10-05-2000	18CBC4				
28	001275	Nguyễn Hồng Phúc	22-01-2000	18CTLC				
29	001276	Tôn Long Phúc	22-05-2000	18CTXH				
30	001277	Y Phúc	25-01-2000	18SMN				
31	001278	Nguyễn Thị Phúc	03-02-2000	18STH				
32	001279	Đặng Thị Kim Phụng	06-08-1999	18CVH				
33	001280	Nguyễn Thị Ngọc Phước	22-06-2000	18CDDL2				
34	001281	Huỳnh Văn Phước	16-06-2000	18CHD				
35	001282	Trương Đức Minh Phương	14-07-1999	18CBC2				
36	001283	Phan Kiều Phương	20-04-2000	18CBC3				
37	001284	Vũ Thị Mai Phương	25-08-2000	18CBCC				
38	001285	Nguyễn Đỗ Xuân Phương	07-12-2000	18CDDL1				
39	001286	Bùi Xuân Phương	05-07-2000	18CDDL1				
40	001287	Nguyễn Thị Như Phương	20-08-2000	18CDDL2				
41	001288	Nguyễn Thị Minh Phương	14-02-2000	18CHD				
42	001289	Trần Đan Phương	29-09-2000	18CHD				
43	001290	Nguyễn Lê Phương	13-04-2000	18CHD				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 31 (A5-208)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001291	Phan Văn Phương	27-03-2000	18CTL1				
2	001292	Trương Thị Thanh Phương	25-05-2000	18CTL1				
3	001293	Nguyễn Như Phương	02-07-2000	18CTXH				
4	001294	Phạm Huỳnh Như Phương	29-04-2000	18CTXH				
5	001295	Ngô Thị Minh Phương	14-03-2000	18CVHH				
6	001296	Trần Thu Phương	03-07-2000	18CVNH1				
7	001297	Đặng Công Phương	21-06-1999	18CVNH1				
8	001298	Hoàng Lê Song Phương	14-10-2000	18SAN				
9	001299	Lê Thị Ngọc Phương	17-01-2000	18SDL				
10	001300	Đinh Thu Phương	11-04-2000	18SGC				
11	001301	Nguyễn Phương	20-04-2000	18SHH				
12	001302	Phan Thị Hồng Phương	20-08-2000	18SMN				
13	001303	Lê Như Phương	12-03-2000	18SMN				
14	001304	Phùng Diệu Như Phương	19-04-2000	18SNV				
15	001305	Ngô Ngọc Thúy Phương	07-06-2000	18CBC1				
16	001306	Y Phương	04-08-2000	18CBC4				
17	001307	Đồng Thị Yên Phương	27-04-2000	18CDDL2				
18	001308	Phạm Hồ Ngọc Phương	22-01-2000	18CDDL2				
19	001309	Trần Đình Phương	02-08-2000	18CDDL2				
20	001310	Tạ Thị Phương	22-11-2000	18CTL2				
21	001311	Lê Thị Kim Phương	19-04-2000	18CVH				
22	001312	Nguyễn Thị Thanh Phương	18-10-2000	18CVNH1				
23	001313	Nguyễn Hồ Kim Phương	14-06-2000	18CVNH3				
24	001314	Thái Kim Quân	01-04-2000	18SAN				
25	001315	Lê Đức Anh Quân	30-01-2000	18ST				
26	001316	Nguyễn Hoàng Anh Quân	15-10-2000	18SVL				
27	001317	Mai Đăng Quang	26-09-2000	18CTLC				
28	001318	Mai Ngọc Quang	10-01-2000	18CVH				
29	001319	Nguyễn Công Quảng	01-12-1999	18CNSH				
30	001320	Phạm Quang Quốc	02-10-2000	18CBC1				
31	001321	Nguyễn Thị Minh Quý	20-08-2000	18CDDL1				
32	001322	Phan Ngọc Quý	13-01-2000	18CVH				
33	001323	Thái Thị Bảo Uyên	10-11-1999	18CBCC				
34	001324	Nguyễn Thị Diễm Uyên	04-07-2000	18CDDL2				
35	001325	Nguyễn Thị Uyên	12-07-2000	18CNSH				
36	001326	Trần Thị Kim Uyên	25-08-2000	18CNSH				
37	001327	Lê Đình Hoàng Uyên	23-11-2000	18CVHH				
38	001328	Lưu Thị Như Uyên	02-02-2000	18CVNH2				
39	001329	Trần Thị Uyên	20-01-2000	18CVNH3				
40	001330	Trần Thị Thu Uyên	20-11-2000	18SGC				
41	001331	Nguyễn Thị Lệ Uyên	04-10-2000	18SMN				
42	001332	Trần Bảo Uyên	25-11-2000	18SNV				
43	001333	Nguyễn Thị Hồng Uyên	04-01-2000	18STH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 32 (A5-209)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001334	Thái Tôn Quyền	27-12-2000	18CDDL2				
2	001335	Võ Xuân Quỳnh	10-11-2000	18CBC2				
3	001336	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	24-12-2000	18CDDL1				
4	001337	Ngô Nguyễn Trúc Quỳnh	23-08-2000	18CHD				
5	001338	Vũ Lê Quỳnh	08-11-2000	18CLS				
6	001339	Võ Như Quỳnh	23-12-2000	18CTL1				
7	001340	Nguyễn Thanh Khánh Quỳnh	02-03-2000	18CTL1				
8	001341	Trần Ngọc Nguyên Quỳnh	19-09-2000	18CTL2				
9	001342	Lê Thị Quỳnh	16-11-1999	18CTL2				
10	001343	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	27-02-2000	18CTXH				
11	001344	Lê Xuân Quỳnh	26-02-2000	18CVNH1				
12	001345	Lương Thị Như Quỳnh	25-03-2000	18CVNH3				
13	001346	Trần Thị Như Quỳnh	16-11-2000	18CVNH3				
14	001347	Huỳnh Thị Mộng Quỳnh	07-01-2000	18SAN				
15	001348	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	15-06-1998	18SHH				
16	001349	Trần Thị Như Quỳnh	02-09-1999	18SMN				
17	001350	Phan Ngọc Phương Quỳnh	14-01-1992	18ST				
18	001351	Nguyễn Phương Quỳnh	06-07-2000	18STH				
19	001352	Hoàng Thị Quỳnh	04-05-2000	18STH				
20	001353	Ngô Văn Rôn	02-06-2000	18CTL1				
21	001354	Ksor H' Rôn	14-12-2000	18CTXH				
22	001355	Phan Thị Châu Sa	21-03-2000	18CTL1				
23	001356	Nguyễn Thị Sen	27-05-2000	18SMN				
24	001357	Poloong Sĩ	02-05-1999	18CTXH				
25	001358	Trần Tiến Sĩ	22-01-2000	18CVHH				
26	001359	Phoutsavath Silavongsa	05-02-1997	18CBC3				
27	001360	Keosoulita Singdalanikone	27-09-1999	18CTM				
28	001361	Nguyễn Văn Khoa Sinh	05-01-1999	18SHH				
29	001362	Manisak Sisavath	25-07-1999	18CBC3				
30	001363	Huỳnh Văn Sơn	30-04-2000	18CDDL2				
31	001364	Vũ Ngọc Sơn	24-12-2000	18CVNH1				
32	001365	Trương Văn Sơn	10-07-2000	18SLS				
33	001366	Đặng Văn Sử	20-12-1999	18SAN				
34	001367	Trần Thị Sương	27-04-2000	18CVNH2				
35	001368	Phan Thị Thanh Sương	23-09-2000	18SMN				
36	001369	Nguyễn Như Sỹ	29-11-2000	18CVNH2				
37	001370	Trương Văn Tài	21-01-2000	18CBC1				
38	001371	Hà Anh Tài	03-07-2000	18CBCC				
39	001372	Đặng Thế Tài	28-03-1997	18CVNH2				
40	001373	Nguyễn Tấn Tài	19-02-2000	18SNV				
41	001374	Nguyễn Tấn Tài	20-12-1998	18SS				
42	001375	Nguyễn Hòa Khánh Tâm	03-11-2000	18CBC1				
43	001376	Bùi Thị Mỹ Tâm	20-10-2000	18CBC4				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 33 (A5-210)

STT	SBD	Họ và tên	Tâm	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001377	Huỳnh Thị Tâm	Tâm	12-06-2000	18CDDL1				
2	001378	Nguyễn Văn Tâm	Tâm	20-01-2000	18CDDL1				
3	001379	Đông Thị Tâm	Tâm	10-10-2000	18CDDL2				
4	001380	Đặng Thị Thanh Tâm	Tâm	11-05-1991	18CLS				
5	001381	Trần Thị Thanh Tâm	Tâm	21-10-2000	18CNSH				
6	001382	Võ Thị Nhật Tâm	Tâm	20-03-2000	18CTL1				
7	001383	Huỳnh Minh Tâm	Tâm	27-08-2000	18CVH				
8	001384	Âu Minh Tâm	Tâm	25-11-2000	18CVH				
9	001385	Nguyễn Thị Minh Tâm	Tâm	08-07-2000	18CVNH2				
10	001386	Nguyễn Đoàn Minh Tâm	Tâm	02-05-2000	18SHH				
11	001387	Trần Thị Minh Tâm	Tâm	19-02-2000	18STH				
12	001388	Trần Minh Tâm	Tâm	27-03-2000	18SVL				
13	001389	Nguyễn Thiên Tân	Tân	30-09-2000	18CHD				
14	001390	Trần Văn Tây	Tây	08-06-2000	18CBC2				
15	001391	Lê Hữu Bảo Thạch	Thạch	18-04-2000	18SHH				
16	001392	Hoàng Thạch	Thạch	12-02-2000	18ST				
17	001393	Hồ Ngọc Thạch	Thạch	06-03-1999	18ST				
18	001394	Lê Bảo Thạch	Thạch	10-05-2000	18SVL				
19	001395	Lê Ngọc Thanh Thái	Thái	05-12-2000	18CBC3				
20	001396	Nguyễn Thị Thăm	Thăm	20-01-2000	18CVNH2				
21	001397	Nguyễn Thị Thanh Thân	Thân	19-11-1994	18CHDC				
22	001398	Châu Ngọc Thắng	Thắng	19-05-2000	18CTXH				
23	001399	Nguyễn Đình Thắng	Thắng	02-11-2000	18CVNH2				
24	001400	Lê Thị Phương Thanh	Thanh	04-08-2000	18CBC4				
25	001401	Trần Hoàng Phương Thanh	Thanh	02-03-2000	18CNSH				
26	001402	Trương Bùi Mỹ Thanh	Thanh	02-05-2000	18CVH				
27	001403	Lê Thị Phương Thanh	Thanh	20-10-2000	18SAN				
28	001404	Phạm Thị Thanh Thanh	Thanh	29-07-2000	18SMN				
29	001405	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Thanh	22-12-2000	18ST				
30	001406	Phạm Văn Thành	Thành	07-04-2000	18CBC3				
31	001407	Đặng Nhật Thành	Thành	18-01-2000	18CVNH2				
32	001408	Đỗ Thị Thành	Thành	10-01-2000	18CVNH3				
33	001409	Nguyễn Văn Thuận Thành	Thành	22-05-2000	18SVL				
34	001410	Lâm Thị Phương Thảo	Thảo	08-09-2000	18CNSH				
35	001411	Đoàn Thanh Thảo	Thảo	24-01-2000	18CBC1				
36	001412	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thảo	07-12-2000	18CBC1				
37	001413	Nguyễn Thị Thu Thảo	Thảo	16-03-2000	18CBC4				
38	001414	Hoàng Nguyễn Dạ Thảo	Thảo	07-02-2000	18CDDL2				
39	001415	Huỳnh Thị Thu Thảo	Thảo	21-05-2000	18CNSH				
40	001416	Ngô Thị Bích Thảo	Thảo	15-06-2000	18CNSH				
41	001417	Nguyễn Thị Chánh Thảo	Thảo	21-12-2000	18CTL1				
42	001418	Nguyễn Văn Thảo	Thảo	25-11-2000	18CTL1				
43	001419	Nguyễn Cao Như Thảo	Thảo	27-11-1999	18CTL2				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 34 (A5-107)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001420	Trần Thị Thanh	Thảo	11-07-2000	18CTL2			
2	001421	Trương Ngân	Thảo	12-04-2000	18CTL2			
3	001422	Vũ Thị Thanh	Thảo	26-02-1998	18CTM			
4	001423	Nguyễn Thị Thu	Thảo	28-08-2000	18CTXH			
5	001424	Trần Phương	Thảo	16-07-2000	18CVH			
6	001425	Trần Thanh	Thảo	23-09-2000	18CVH			
7	001426	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	14-10-2000	18CVH			
8	001427	Hồ Thanh	Thảo	08-06-2000	18CVH			
9	001428	Lê Kiều Dạ	Thảo	20-05-2000	18CVH			
10	001429	Nguyễn Thị Phương	Thảo	23-08-1999	18CVHH			
11	001430	Nguyễn Trần Anh	Thảo	18-03-2000	18CVHH			
12	001431	Nguyễn Thị	Thảo	20-01-2000	18CVHH			
13	001432	Nguyễn Thị Bích	Thảo	14-08-2000	18CVNH1			
14	001433	Ngô Thu	Thảo	12-09-2000	18CVNH1			
15	001434	Nguyễn Thị	Thảo	02-08-1999	18CVNH2			
16	001435	Nguyễn Thị Thu	Thảo	28-03-2000	18CVNH2			
17	001436	Nguyễn Thị	Thảo	12-11-2000	18CVNH3			
18	001437	Phạm Thị Xuân	Thảo	14-06-1995	18SAN			
19	001438	Đinh Thị Thanh	Thảo	15-08-2000	18SDL			
20	001439	Phan Thị Bích	Thảo	19-05-2000	18SDL			
21	001440	Phạm Thị Thanh	Thảo	19-12-2000	18SHH			
22	001441	Lê Thị Mai	Thảo	02-05-2000	18SMN			
23	001442	Nguyễn Thị Lệ	Thảo	02-08-2000	18SMN			
24	001443	Lê Thị Phương	Thảo	24-08-2000	18SMN			
25	001444	Trần Thị	Thảo	09-10-2000	18SNV			
26	001445	Huỳnh Thị Như	Thảo	09-04-2000	18ST			
27	001446	Nguyễn Thu	Thảo	24-01-2000	18ST			
28	001447	Nguyễn Thị Nguyên	Thảo	18-09-2000	18ST			
29	001448	Nguyễn Thị Phương	Thảo	24-03-2000	18STH			
30	001449	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	21-04-2000	18STH			
31	001450	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13-07-2000	18STH			
32	001451	Trần Thị Thanh	Thảo	24-02-2000	18SVL			
33	001452	Trần Thị Phương	Thảo	09-11-2000	18SVL			
34	001453	Cao Thị	Thảo	15-12-1999	18SVL			
35	001454	Đỗ Thị Hồng	Thạo	17-01-2000	18CBC2			
36	001455	Trần Thị	Thêm	01-06-2000	18SDL			
37	001456	Nguyễn Thị Minh	Thi	08-09-2000	18CBC2			
38	001457	Trần Mai	Thi	16-12-2000	18CVHH			
39	001458	Trần Nữ Hoàng	Thi	01-09-2000	18CVNH3			
40	001459	Nguyễn Thị Minh	Thi	19-03-2000	18SDL			
41	001460	Nguyễn Thị Hoàng	Thi	25-10-2000	18SNV			
42	001461	Nguyễn Đại Minh	Thiên	02-01-2000	18CBC3			
43	001462	Hoàng Tuấn	Thiên	11-01-1995	18CTL2			

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 5 (13h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 35 (A3-01)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001463	Nguyễn Cảnh Thìn	25-06-2000	18CBC2				
2	001464	Dương Thị Mỹ Thìn	06-02-2000	18CBC4				
3	001465	Lê Thị Thìn	16-06-2000	18SLS				
4	001466	Nguyễn Ngọc Thịnh	01-09-2000	18CDDL1				
5	001467	Võ Thịnh	01-05-2000	18CVH				
6	001468	Trần Võ Anh Thơ	18-04-2000	18CTLC				
7	001469	Trần Thị Ngọc Thọ	29-06-2000	18CVNH1				
8	001470	Trần Thái Thoa	12-05-2000	18CNSH				
9	001471	Trần Thị Kim Thoa	17-05-2000	18CTXH				
10	001472	Phù Thị Thời	08-06-2000	18CNSH				
11	001473	Huỳnh Văn Thông	16-04-1999	18CVNH2				
12	001474	Phan Thị Thu	15-05-2000	18CVHH				
13	001475	Phan Thị Thu	10-11-2000	18SMN				
14	001476	Nguyễn Thị Thu	15-08-2000	18SNV				
15	001477	Nguyễn Thị Anh Thư	13-08-2000	18CBC2				
16	001478	Hoàng Ngọc Anh Thư	27-04-2000	18CBC3				
17	001479	Nguyễn Hoàng Anh Thư	02-02-2000	18CDDL1				
18	001480	Trần Trịnh Thanh Thư	27-07-2000	18CTL1				
19	001481	Nguyễn Anh Thư	13-07-2000	18CTL2				
20	001482	Bùi Thị Thanh Thư	20-01-2000	18CTM				
21	001483	Đinh Thị Minh Thư	01-02-1997	18CVH				
22	001484	Đỗ Quỳnh Anh Thư	03-06-2000	18CVHH				
23	001485	Nguyễn Thị Minh Thư	27-09-2000	18CVNH1				
24	001486	Phạm Thị Minh Thư	02-08-2000	18CVNH1				
25	001487	Nguyễn Hồ Phương Thư	19-04-2000	18CVNH1				
26	001488	Lê Minh Thư	02-11-2000	18CVNH1				
27	001489	Huỳnh Thị Minh Thư	02-02-2000	18CVNH2				
28	001490	Phan Trần Ngọc Thư	08-07-2000	18CVNH2				
29	001491	Zorâm Thị Thư	30-09-2000	18SDL				
30	001492	Bùi Gia Thư	13-07-2000	18SMN				
31	001493	Nguyễn Anh Thư	14-01-2000	18SNV				
32	001494	Phan Lê Ngọc Thư	09-11-2000	18SNV				
33	001495	Nguyễn Vũ Anh Thư	02-05-2000	18STH				
34	001496	Thân Đức Thuận	18-05-2000	18CVNH3				
35	001497	Đỗ Thiện Thuận	04-09-2000	18CBC3				
36	001498	Huỳnh Thị Mỹ Thuận	12-05-2000	18CBC4				
37	001499	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	27-12-2000	18SHH				
38	001500	Phạm Đình Thuận	14-10-2000	18ST				
39	001501	Avô Thuật	07-12-2000	18CVNH1				
40	001502	Huỳnh Lê Uyên Thực	26-07-2000	18CDDL2				
41	001503	Lê Thị Lệ Thương	07-05-2000	18CBC1				
42	001504	Nguyễn Thị Thương	14-04-2000	18CBC2				
43	001505	Nguyễn Thị Hoài Thương	21-03-2000	18CBC3				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 36 (A5-206)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001506	Trần Thị Thương	02-07-2000	18CBC4				
2	001507	Truk Hoài Thương	31-05-2000	18CNSH				
3	001508	Tôn Nữ Xuân Thương	26-11-2000	18CTXH				
4	001509	Trần Thị Hoài Thương	14-01-2000	18CVH				
5	001510	Nguyễn Thị Thương	01-08-1999	18SAN				
6	001511	Bùi Thị Thanh Thương	03-11-2000	18SMN				
7	001512	Đặng Thị Kim Thương	15-10-2000	18SMN				
8	001513	Đặng Thị Hoài Thương	19-03-2000	18SNV				
9	001514	Hồ Thị Hoài Thương	26-04-2000	18STH				
10	001515	Lê Thị Hoài Thương	12-10-2000	18STH				
11	001516	Đỗ Thị Hiền Thương	13-07-2000	18SVL				
12	001517	Nguyễn Thị Diễm Thuý	05-01-2000	18CDDL1				
13	001518	Lê Thị Phương Thuý	01-10-2000	18CBC2				
14	001519	Trần Thị Thu Thuý	15-11-2000	18CDDL1				
15	001520	Vũ Phương Hoài Thuý	09-10-2000	18CVH				
16	001521	Nguyễn Thị Thu Thuý	21-04-2000	18ST				
17	001522	Phan Thị Kim Thuý	10-08-2000	18STH				
18	001523	Phan Thị Thuý	31-07-2000	18CTL2				
19	001524	Huỳnh Thị Thuý	20-01-2000	18SLS				
20	001525	Nguyễn Thị Thanh Thuý	15-10-2000	18SMN				
21	001526	Nguyễn Thị Thu Thuý	03-12-2000	18SS				
22	001527	Tăng Thị Diễm Thuý	17-11-2000	18ST				
23	001528	Nguyễn Lê Linh Thùy	08-01-2000	18CBC3				
24	001529	Doãn Thị Thu Thùy	19-08-2000	18CVNH1				
25	001530	Lê Phú Ngọc Thùy	19-12-2000	18SMN				
26	001531	Đào Thị Thanh Thủy	07-10-2000	18CBC1				
27	001532	Trương Thanh Bích Thủy	17-06-2000	18CDDL2				
28	001533	Lê Thị Thu Thủy	18-08-2000	18CLS				
29	001534	Nguyễn Thị Bích Thủy	20-02-2000	18CTXH				
30	001535	Dương Thị Thu Thủy	02-07-2000	18CVNH1				
31	001536	Nguyễn Thị Thanh Thủy	16-04-2000	18SDL				
32	001537	Võ Thị Thu Thủy	10-03-2000	18SMN				
33	001538	Y Thủy	05-04-2000	18STH				
34	001539	Trần Thị Thanh Thủy	17-02-2000	18SVL				
35	001540	Nguyễn Quỳnh Thy	28-10-2000	18CTL1				
36	001541	Ngô Thị Thanh Thy	16-11-2000	18CVNH1				
37	001542	Ngô Anh Thy	13-10-2000	18SS				
38	001543	La Anh Thy	30-11-2000	18ST				
39	001544	Mạc Thùy Thủy Tiên	12-04-2000	18CTL2				
40	001545	Khuong Thị Thủy Tiên	10-10-2000	18CVH				
41	001546	Phạm Hoàng Khánh Tiên	04-12-2000	18CVNH2				
42	001547	Phạm Thị Bích Tiên	11-11-2000	18CVNH2				
43	001548	Phan Thị Tiên	18-05-2000	18SHH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 37 (A5-207)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001549	Nguyễn Đồng Cẩm	Tiền	09-11-2000	18SS				
2	001550	Trần Hữu	Tiền	02-08-2000	18CBC1				
3	001551	Tán Văn	Tiền	27-10-2000	18CBC4				
4	001552	Đỗ Mạnh	Tiền	29-08-2000	18CLS				
5	001553	Tổng Phước	Tiền	01-01-2000	18CNSH				
6	001554	Dương Thị Kim	Tiền	01-01-2000	18CTXH				
7	001555	Phạm Thị	Tiền	19-12-2000	18CVNH1				
8	001556	Trần Thị	Tiền	24-02-2000	18CVNH3				
9	001557	Trần Tấn	Tin	30-05-2000	18SVL				
10	001558	Lê Công	Tín	13-10-2000	18CBC2				
11	001559	Trương Quốc	Tín	16-03-2000	18CHD				
12	001560	Y	Tinh	16-02-1999	18SAN				
13	001561	Võ Thị Thu	Tinh	19-09-2000	18CDDL2				
14	001562	Trần Thị	Tinh	13-11-2000	18CVNH2				
15	001563	Trần Thị	Tinh	24-02-2000	18STH				
16	001564	Dương Xuân	Toại	22-02-1998	18ST				
17	001565	Kiều Đức	Toàn	18-03-2000	18CNSH				
18	001566	Đào Văn	Toàn	19-08-1999	18CTL1				
19	001567	Brúu Thị	Ton	25-09-2000	18CTXH				
20	001568	Nguyễn Hoàng Thanh	Trà	24-03-2000	18CBC3				
21	001569	Nguyễn Thị	Trà	02-10-2000	18CVHH				
22	001570	Phạm Thị Huyền	Trâm	14-05-1999	18CBC1				
23	001571	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	17-08-2000	18CBC4				
24	001572	Phạm Thị Thùy	Trâm	10-11-2000	18CHDC				
25	001573	Đặng Thị Quỳnh	Trâm	03-10-2000	18CNSH				
26	001574	Đặng Nguyễn Quỳnh	Trâm	19-07-2000	18CTL1				
27	001575	Nguyễn Thanh Ngọc	Trâm	06-10-2000	18CTLC				
28	001576	Trần Thị Bích	Trâm	03-07-2000	18CVH				
29	001577	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	04-06-2000	18CVHH				
30	001578	Trần Thị Bích	Trâm	12-07-2000	18CVHH				
31	001579	Ngô Thị Huỳnh	Trâm	04-01-2000	18SGC				
32	001580	Nguyễn Thị Bích	Trâm	12-09-2000	18SNV				
33	001581	Đặng Thị Thanh	Trâm	12-08-2000	18SNV				
34	001582	Đinh Thu Trân	Trân	29-05-1999	18CBC2				
35	001583	Nguyễn Trần Gia	Trân	01-12-2000	18CBC3				
36	001584	Nguyễn Thị Bảo	Trân	09-03-2000	18CTL2				
37	001585	Nguyễn Thị Bích	Trân	03-02-2000	18CVHH				
38	001586	Phan Thị Huyền	Trân	05-09-2000	18CVNH1				
39	001587	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	18-10-2000	18SLS				
40	001588	Trần Huyền	Trân	20-04-2000	18SMN				
41	001589	Trần Bảo	Trân	10-02-2000	18SNV				
42	001590	Ngô Vũ Bảo	Trân	01-01-1998	18SS				
43	001591	Nguyễn Thị Huyền	Trân	10-01-2000	18STH				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 38 (A5-208)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001592	Huỳnh Thị Ngọc	Trần	21-08-2000	18SVL			
2	001593	Huỳnh Thị Thùy	Trang	26-07-2000	18CBC1			
3	001594	Ngô Thị	Trang	14-09-2000	18CBC2			
4	001595	Ngô Thị Thùy	Trang	30-01-2000	18CBC3			
5	001596	Bùi Minh	Trang	03-04-2000	18CBC4			
6	001597	Phan Thị Huyền	Trang	02-10-2000	18CBC4			
7	001598	Lê Anh Thùy	Trang	04-06-2000	18CHD			
8	001599	Xiêng Minh	Trang	02-08-2000	18CHD			
9	001600	Mai Thị Xuân	Trang	14-02-2000	18CTL1			
10	001601	Võ Thị Thảo	Trang	10-05-2000	18CTL1			
11	001602	Nguyễn Thu	Trang	23-10-2000	18CTL2			
12	001603	Nguyễn Phương	Trang	07-03-2000	18CTLC			
13	001604	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05-09-2000	18CTM			
14	001605	Võ Thùy	Trang	26-06-2000	18CTXH			
15	001606	Võ Nguyễn Thùy	Trang	13-01-2000	18CVH			
16	001607	Phạm Ngọc Xuân	Trang	08-08-1999	18CVHH			
17	001608	Văn Thị Thùy	Trang	13-11-2000	18CVNH1			
18	001609	Vũ Thu	Trang	26-11-2000	18CVNH1			
19	001610	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	16-11-2000	18CVNH2			
20	001611	Nguyễn Thùy	Trang	06-02-2000	18CVNH2			
21	001612	Nguyễn Thị Kiều	Trang	29-07-2000	18CVNH3			
22	001613	Hoàng Thị	Trang	16-04-2000	18CVNH3			
23	001614	Võ Huỳnh Ngọc	Trang	15-03-2000	18SHH			
24	001615	Hồ Thị Mỹ	Trang	30-09-2000	18SLS			
25	001616	Đặng Huyền	Trang	26-11-2000	18SMN			
26	001617	Trần Thị Thùy	Trang	25-02-2000	18SMN			
27	001618	Trần Thị Thảo	Trang	05-02-2000	18ST			
28	001619	Đỗ Thanh	Trang	10-07-2000	18STH			
29	001620	Trần Nguyễn Thùy	Trang	26-05-2000	18STH			
30	001621	Trần Thanh	Trí	08-07-2000	18CBC1			
31	001622	Đỗ Quang	Trí	26-05-2000	18ST			
32	001623	Nguyễn Thành	Triều	31-07-2000	18CDDL1			
33	001624	Lê Thị	Trinh	23-03-2000	18CBC2			
34	001625	Nguyễn Thị Lan	Trinh	15-07-2000	18CBC3			
35	001626	Lê Thị Tú	Trinh	04-01-2000	18CDDL1			
36	001627	Đặng Thị Tố	Trinh	19-03-2000	18CDDL2			
37	001628	Đinh Huỳnh Thị Tuyết	Trinh	04-06-2000	18CTL2			
38	001629	Lương Thị Tuyết	Trinh	19-07-2000	18CTXH			
39	001630	Dương Thị Mộng	Trinh	19-11-2000	18CVHH			
40	001631	Trần Thị Bích	Trinh	19-06-2000	18CVHH			
41	001632	Phan Thị Thuỳ	Trinh	14-07-2000	18CVHH			
42	001633	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	17-08-2000	18CVNH3			
43	001634	Huỳnh Thị Thu	Trinh	18-03-2000	18SAN			

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 39 (A5-209)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001635	Lê Thị Hoài	Trình	28-03-2000	18SHH				
2	001636	Phan Nguyễn Kiều	Trình	11-11-2000	18SHH				
3	001637	Phạm Hoàng Thị Tuyết	Trình	12-10-2000	18SMN				
4	001638	Huỳnh Thị Tú	Trình	15-12-2000	18SNV				
5	001639	Nguyễn Thị Thu	Trình	20-08-2000	18STH				
6	001640	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	24-11-2000	18SGC				
7	001641	Hoàng Thị Diễm	Trúc	21-11-2000	18CDDL1				
8	001642	Ngô Thị Thùy	Trúc	14-10-2000	18CDDL2				
9	001643	Phạm Thị Nhã	Trúc	28-10-2000	18SNV				
10	001644	Trương Văn	Trúc	11-10-2000	18CBC4				
11	001645	Huỳnh Quang Điền	Trung	25-05-2000	18CBC1				
12	001646	Nguyễn Bảo	Trung	09-06-2000	18CBCC				
13	001647	Hồ Quốc	Trung	08-10-2000	18ST				
14	001648	Trần Khắc	Trường	25-11-2000	18CVH				
15	001649	Nguyễn Anh	Tú	13-04-2000	18CDDL1				
16	001650	Đoàn Hồ Ngọc	Tú	25-08-2000	18CDDL2				
17	001651	Nguyễn Vũ Anh	Tú	21-07-2000	18CTXH				
18	001652	Nguyễn Thị Kim	Tú	27-10-1999	18CVHH				
19	001653	Lê Thanh	Tú	28-11-2000	18CVNH3				
20	001654	Tô Thị	Tú	16-03-2000	18CVNH3				
21	001655	Trần Văn	Tú	18-02-2000	18ST				
22	001656	Nguyễn Lương Cẩm	Tú	16-11-2000	18STH				
23	001657	Hồ Thị Cẩm	Tú	01-09-2000	18STH				
24	001658	Huỳnh Thanh	Tuấn	10-04-2000	18CHD				
25	001659	Huỳnh	Tuấn	14-03-2000	18CVNH1				
26	001660	Hóih	Tùng	05-03-2000	18CTXH				
27	001661	Nguyễn Thị Cát	Tường	02-01-2000	18CBC2				
28	001662	Nguyễn Mạnh	Tường	10-01-1999	18SNV				
29	001663	Lê Thị	Tường	08-09-2000	18CVNH3				
30	001664	Huỳnh Thị	Tuy	17-01-2000	18CVNH2				
31	001665	Nguyễn Thị	Tuyên	10-04-1994	18SVL				
32	001666	Lê Vũ Kim	Tuyên	25-05-2000	18CBC3				
33	001667	Lê Thanh	Tuyên	09-08-2000	18CDDL1				
34	001668	Nguyễn Thị Thanh	Tuyên	26-01-2000	18CHD				
35	001669	Nguyễn Dương Phương	Tuyên	22-12-1999	18CNSH				
36	001670	Hoàng Thanh	Tuyên	04-02-2000	18CTXH				
37	001671	Đặng Võ Thị Thanh	Tuyên	09-10-2000	18CVH				
38	001672	Dương Thị Ánh	Tuyệt	09-01-2000	18CBC4				
39	001673	Trần Thị Ánh	Tuyệt	27-07-2000	18CNSH				
40	001674	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyệt	03-03-2000	18CVHH				
41	001675	Trần Mai Anh	Tuyệt	10-11-2000	18CVNH2				
42	001676	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt	09-04-2000	18SAN				
43	001677	Lê Thị Ánh	Tuyệt	14-11-2000	18SMN				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 40 (A5-210)

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001678	Lê Thị Ánh	Tuyệt	13-04-2000	18SMN				
2	001679	Ngô Thị Bạch	Tuyệt	23-09-2000	18SS				
3	001680	Lê Thị	Tuyệt	20-10-2000	18STH				
4	001681	Nguyễn Thị Kim	Uy	05-06-2000	18SMN				
5	001682	Hồ Hà Thuận	Uyên	16-11-2000	18CBC1				
6	001683	Nguyễn Huỳnh Thảo	Uyên	09-01-2000	18CBC1				
7	001684	Hồ Hoàng Phương	Uyên	16-01-2000	18CBC2				
8	001685	Nguyễn Lê Thu	Uyên	12-01-2000	18CBC2				
9	001686	Hồ Thị	Uyên	27-05-2000	18CBC3				
10	001687	Nguyễn Phan Minh	Uyên	20-03-2000	18CBC3				
11	001688	Ngô Nguyễn Nhật	Uyên	04-01-2000	18CBC4				
12	001689	Hồ Thị Thu	Uyên	11-12-2000	18CDDL1				
13	001690	Nguyễn Thị Tố	Uyên	23-10-2000	18CDDL1				
14	001691	Thân Thị Kim	Uyên	29-05-2000	18CDDL2				
15	001692	Huỳnh Thị Thu	Uyên	24-09-2000	18CDDL2				
16	001693	Nguyễn Quang Thanh	Uyên	14-02-2000	18CHD				
17	001694	Vũ Thị	Uyên	27-06-2000	18CNSH				
18	001695	Nguyễn Thị Thu	Uyên	29-07-2000	18CNSH				
19	001696	Phạm Thị Mai	Uyên	06-02-2000	18CTL1				
20	001697	Trần Tú	Uyên	23-11-2000	18CTL2				
21	001698	Ngô Bảo	Uyên	09-08-2000	18CTXH				
22	001699	Trần Thị Thái	Uyên	07-01-2000	18CVHH				
23	001700	Phan Thu	Uyên	18-08-2000	18CVHH				
24	001701	Hồ Minh	Uyên	05-03-1998	18CVHH				
25	001702	Nguyễn Song Hoàng	Uyên	22-01-2000	18CVNH1				
26	001703	Trà Thị Thuý	Uyên	05-11-2000	18CVNH2				
27	001704	Ngô Thị Thục	Uyên	06-02-2000	18CVNH3				
28	001705	Nguyễn Lê Nhã	Uyên	25-03-2000	18CVNH3				
29	001706	Lê Thị Phương	Uyên	04-11-2000	18SDL				
30	001707	Hoàng Thị Hồng	Uyên	22-07-2000	18SHH				
31	001708	Tạ Ngọc Bảo	Uyên	27-06-2000	18SHH				
32	001709	Phạm Tú	Uyên	13-07-2000	18SHH				
33	001710	Trương Nguyễn Phương	Uyên	08-06-2000	18STH				
34	001711	Trần Ngọc Lâm	Uyên	15-01-2000	18STH				
35	001712	Nguyễn Thy Nhã	Uyên	30-01-2000	18SVL				
36	001713	Lê Kim Cẩm	Vân	08-02-2000	18CBC1				
37	001714	Nguyễn Thanh	Vân	09-06-2000	18CBC2				
38	001715	Chu Thị	Vân	26-09-2000	18CBC4				
39	001716	Trần Nguyễn Thanh	Vân	22-05-2000	18CDDL2				
40	001717	Phạm Thị Trúc	Vân	06-07-2000	18CHD				
41	001718	Tăng Nữ Thảo	Vân	14-08-2000	18CHD				
42	001719	Bùi Đặng Hà	Vân	09-05-2000	18CHDC				
43	001720	Thiều Thị Hồng	Vân	01-01-2000	18CTM				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 41 (A5-107)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001721	Thị Tiểu Vân	08-10-2000	18CVNH2				
2	001722	Tạ Thị Vân	22-02-2000	18CVNH2				
3	001723	Phan Nguyễn Thanh Vân	28-11-2000	18CVNH3				
4	001724	Nguyễn Thị Bích Vân	14-10-2000	18CVNH3				
5	001725	Đinh Thị Bích Vân	23-07-2000	18SAN				
6	001726	Zorâm Thị Vân	04-10-2000	18SDL				
7	001727	Nguyễn Thị Khánh Vân	09-03-2000	18SHH				
8	001728	Đoàn Thị Thanh Vân	02-05-2000	18SMN				
9	001729	Nguyễn Thị Hồng Vân	10-01-2000	18SNV				
10	001730	Nguyễn Lê Vân	11-10-2000	18SNV				
11	001731	Bùi Trần Khánh Vân	24-02-2000	18STH				
12	001732	Thái Thành Văn	21-09-2000	18CBC3				
13	001733	Trương Quang Văn	26-09-2000	18CDDL1				
14	001734	Nguyễn Tấn Văn	02-01-2000	18CVNH3				
15	001735	Trần Hà Lê Vi	23-06-2000	18CBC1				
16	001736	Nguyễn Thị Lan Vi	01-04-2000	18CBC4				
17	001737	Trần Thu Vi	01-07-2000	18CTL1				
18	001738	Lê Thị Cẩm Vi	20-02-2000	18CVNH3				
19	001739	Lê Na Vi	20-04-1999	18CVNH3				
20	001740	Nguyễn Tường Vi	15-02-2000	18SMN				
21	001741	Võ Thị Tường Vi	27-10-2000	18SMN				
22	001742	Trần Thị Thảo Vi	17-09-2000	18STH				
23	001743	Nguyễn Thị Tường Vi	12-10-2000	18SVL				
24	001744	Nguyễn Thị Vĩ	26-01-2000	18CDDL2				
25	001745	Phan Văn Viên	23-01-2000	18CVNH3				
26	001746	Ông Văn Vinh	03-08-2000	18CVNH2				
27	001747	Nguyễn Thành Vinh	17-10-2000	18CVNH2				
28	001748	Nguyễn Thế Vũ	10-05-2000	18CBC2				
29	001749	Nguyễn Xuân Vũ	27-09-2000	18CVNH3				
30	001750	Lê Đức Anh Vũ	09-10-2000	18SHH				
31	001751	Nguyễn Thị Tường Vy	24-01-2000	18CDDL2				
32	001752	Nguyễn Yên Vy	16-12-2000	18CNSH				
33	001753	Nguyễn Tường Vy	07-06-2000	18CTM				
34	001754	Nguyễn Thị Tường Vy	21-03-2000	18CTXH				
35	001755	Huỳnh Thị Huyền Vy	28-01-2000	18CVH				
36	001756	Huỳnh Thị Tường Vy	22-07-2000	18CVNH1				
37	001757	Phan Thị Tường Vy	01-04-1999	18CVNH1				
38	001758	Lê Hoàng Vy	18-05-2000	18CVNH3				
39	001759	Bùi Nhật Vy	18-06-2000	18SLS				
40	001760	Nguyễn Thị Thục Vy	15-10-2000	18SMN				
41	001761	Nguyễn Thị Nhật Vy	01-05-1999	18SMN				
42	001762	Bùi Thị Khánh Vy	07-04-2000	18SNV				
43	001763	Phạm Tường Vy	21-07-2000	18SNV				

Ấn định danh sách này có 43 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂNG LỰC TIN HỌC ĐẦU VÀO
KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2018 - Kỳ thi ngày 27 và 28/10/2018**

CA THI: 6 (15h00 ngày 28/10/2018)

PHÒNG 42 (A3-01)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Mã đề	Ký nộp	Kết quả thi	Ghi chú
1	001764	Huỳnh Phương Vy	02-01-2000	18SS				
2	001765	Phạm Thị Tường Vy	24-04-2000	18ST				
3	001766	Lê Cao Tường Vy	14-02-2000	18ST				
4	001767	Phan Nhật Thảo Vy	27-04-2000	18ST				
5	001768	Nguyễn Thúy Vy	20-03-2000	18STH				
6	001769	Lê Thị Thúy Vy	09-09-2000	18STH				
7	001770	Y Xanh	05-02-2000	18CHD				
8	001771	Trần Thị Bích Xuân	02-02-2000	18CDDL1				
9	001772	Y Xuân	10-11-2000	18SGC				
10	001773	Hoàng Thị Thanh Xuân	23-02-2000	18SNV				
11	001774	Lê Thái Kim Xuân	24-05-2000	18STH				
12	001775	Nguyễn Hoàng Duy Xuyên	17-03-2000	18SAN				
13	001776	Bùi Thị Xuyên	12-07-2000	18SDL				
14	001777	Phạm Thị Lương Y	11-05-2000	18CDDL2				
15	001778	Nguyễn Thị Thu Ý	10-07-1999	18CBC3				
16	001779	Nguyễn Mai Như Ý	10-10-2000	18CDDL1				
17	001780	Tạ Thị Như Ý	02-03-2000	18CTL2				
18	001781	Trịnh Như Ý	30-11-1999	18CVH				
19	001782	Nguyễn Thị Như Ý	31-07-2000	18CVHH				
20	001783	Võ Hà Đức Ý	02-01-2000	18ST				
21	001784	Nguyễn Thị Thanh Yên	19-12-2000	18CVNH2				
22	001785	Phan Quỳnh Yên	07-11-2000	18STH				
23	001786	Trương Thị Hoàng Yên	04-04-2000	18CBC1				
24	001787	Phan Thị Hoàng Yên	18-04-2000	18CBC4				
25	001788	Trần Hoàng Yên	04-04-2000	18CDDL2				
26	001789	Nguyễn Hoàng Yên	04-08-2000	18CHD				
27	001790	Trần Thị Hoàng Yên	02-12-2000	18CTM				
28	001791	Trần Thị Yên	15-05-2000	18CVHH				
29	001792	Lê Thị Hải Yên	12-06-2000	18STH				
30	001793							
31	001794							
32	001795							
33	001796							
34	001797							
35	001798							
36	001799							
37	001800							
38	001801							
39	001802							
40	001803							
41	001804							
42	001805							
43	001806							
44	001807							
45	001808							
46	001809							
47	001810							
48	001811							
49	001812							

Ấn định danh sách này có 49 thí sinh. Số SV có mặt dự thi:..... số SV vắng mặt:.....

Ghi chú: Sinh viên mang theo thẻ SV, CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2018

CB coi thi 1

CB coi thi 2

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2